

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 241 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 24 tháng 01 năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án “Xây dựng đô thị trung tâm huyện Đô Lương đạt tiêu chí đô thị loại IV, làm tiền đề cho huyện Đô Lương thành thị xã trước năm 2030”**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 4566/QĐ-UBND ngày 12/11/2007 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt đề án Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Nghệ An giai đoạn 2006-2020;

Căn cứ Chương trình số 03-CTr/TU ngày 25/12/2020 của Tỉnh ủy Nghệ An ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Thông báo số 470-TB/TU ngày 19/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về dự thảo Đề án “Xây dựng và phát triển đô thị Đô Lương đạt đô thị loại IV, trở thành thị xã theo hướng thương mại, dịch vụ”;

Theo đề nghị của UBND huyện Đô Lương tại Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 20/01/2022.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án “Xây dựng đô thị trung tâm huyện Đô Lương đạt tiêu chí đô thị loại IV, làm tiền đề cho huyện Đô Lương thành thị xã trước năm 2030” (Có Đề án chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Giao UBND huyện Đô Lương chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện Đề án.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Đô Lương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Nghệ An;
- Báo Nghệ An;
- Huyện ủy Đô Lương;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, CN, KT (TP, Q).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Hồng Vinh**

# ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

\*\*\*

## ĐỀ ÁN

**XÂY DỰNG ĐÔ THỊ TRUNG TÂM HUYỆN ĐÔ LƯƠNG  
ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI IV, LÀM TIỀN ĐỀ CHO  
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG THÀNH THỊ XÃ TRƯỚC NĂM 2030**



**NGHỆ AN, NĂM 2022**

**ĐỀ ÁN**

**Xây dựng đô thị trung tâm huyện Đô Lương đạt tiêu chí đô thị loại IV,  
làm tiền đề cho huyện Đô Lương thành thị xã trước năm 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 241/QĐ-UBND ngày 24/01/2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

**Phần thứ 1**

**SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ THỰC TIỄN VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**I. SỰ CẦN THIẾT**

Trước những yêu cầu của quá trình đô thị hóa và công cuộc đổi mới, Quy hoạch chung xây dựng đô thị Đô Lương đã được lập nhằm đáp ứng nhu cầu nhà ở, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng xã hội, các tiện ích công cộng phục vụ dân cư đô thị, hỗ trợ dự báo quy hoạch phát triển huyện Đô Lương chính xác hơn, lâu dài và kịp xu thế phát triển, điều hành các mặt hoạt động đảm bảo sự kết nối tổng thể, tăng tốc độ đô thị hóa theo hướng bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

Đô Lương được đánh giá là huyện trung tâm của tỉnh Nghệ An, có nhiều tiềm năng, lợi thế và động lực để phát triển thành thị xã theo hướng thương mại, dịch vụ.

Vì vậy để đáp ứng yêu cầu phát triển và thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2020-2025 thì việc lập Đề án Xây dựng đô thị trung tâm huyện Đô Lương đạt tiêu chí đô thị loại IV, làm tiền đề cho huyện Đô Lương thành thị xã trước năm 2030 là một việc làm cần thiết và cấp bách nhằm hoạch định kế hoạch cụ thể phát triển đô thị giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ môi trường, từng bước xây dựng phát triển đô thị bền vững tương xứng với vai trò vị thế chức năng của đô thị Đô Lương trong giai đoạn hội nhập, phát triển; để định hướng phát triển huyện Đô Lương thành thị xã theo hướng thương mại- dịch vụ và làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo như xây dựng kế hoạch KT-XH, quy hoạch xây dựng đô thị, quản lý đất đai, tài nguyên, đầu tư xây dựng hạ tầng...

**II. CƠ SỞ THỰC TIỄN**

Đô Lương là huyện trung tâm của tỉnh Nghệ An, là huyện đồng bằng bán sơn địa, là địa bàn tiếp nối giữa vùng đồng bằng ven biển và vùng miền núi phía Tây của tỉnh, có truyền thống về kinh doanh buôn bán, có tiềm năng để phát triển mạnh ngành dịch vụ thương mại. Huyện Đô Lương có 33 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc (32 xã và 01 thị trấn) có diện tích 353,72km<sup>2</sup>, dân số 229.275 người. Trên địa bàn có các trục giao thông quan trọng như: QL.7A,

QL.7B, QL.7C, QL.15A, QL.46B, QL.46C và QL.48E có điều kiện thuận lợi trong giao lưu, quan hệ kinh tế, văn hoá, xã hội với các địa phương trong, ngoài tỉnh và nước bạn Lào. Đô thị Đô Lương là trung tâm hành chính, kinh tế văn hóa - xã hội, khoa học kỹ thuật, dịch vụ, du lịch, công nghiệp của huyện Đô Lương và các huyện lân cận; Là điểm kết nối giao thông Đông, Tây, Nam, Bắc liên kết giữa các huyện phía Tây với thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò, Khu kinh tế Đông Nam và các huyện ven biển của tỉnh Nghệ An.

Trong chiến lược phát triển kinh tế toàn tỉnh, đô thị Đô Lương được xem là một đô thị quan trọng trên QL.7, QL.15A, QL.46B và khu vực Tây Bắc của tỉnh, có rất nhiều điều kiện thuận lợi để hình thành và phát triển. Theo quy hoạch tổng thể phát triển đô thị tỉnh Nghệ An giai đoạn 2006-2020 được phê duyệt tại Quyết định số 4566/QĐ-UBND ngày 12/11/2007, thị trấn Đô Lương được xác định là đô thị loại IV. Theo quyết định 69/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX trong đó đã xác định xây dựng và triển khai thực hiện đề án phát triển huyện Đô Lương trở thành thị xã theo hướng thương mại, dịch vụ của vùng Tây Bắc Nghệ An.

### **III. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 29/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30/7/2013 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012-2020;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/201 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 1179/QĐ-TTg ngày 4/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ Lập Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/08/2014 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 4566/QĐ-UBND ngày 12/11/2007 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt đề án Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Nghệ An giai đoạn 2006-2020;

Căn cứ Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng đô thị Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An (tỷ lệ 1/10.000);

Căn cứ Thông báo số 470-TB/TU ngày 19/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về dự thảo Đề án "Xây dựng và phát triển đô thị Đô Lương đạt đô thị loại IV, trở thành thị xã theo hướng thương mại, dịch vụ";

Các quy hoạch ngành, dự án đầu tư và các tài liệu văn bản pháp lý khác có liên quan.

## Phần thứ 2

# THỰC TRẠNG VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG ĐÔ THỊ ĐÔ LƯƠNG THEO TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ

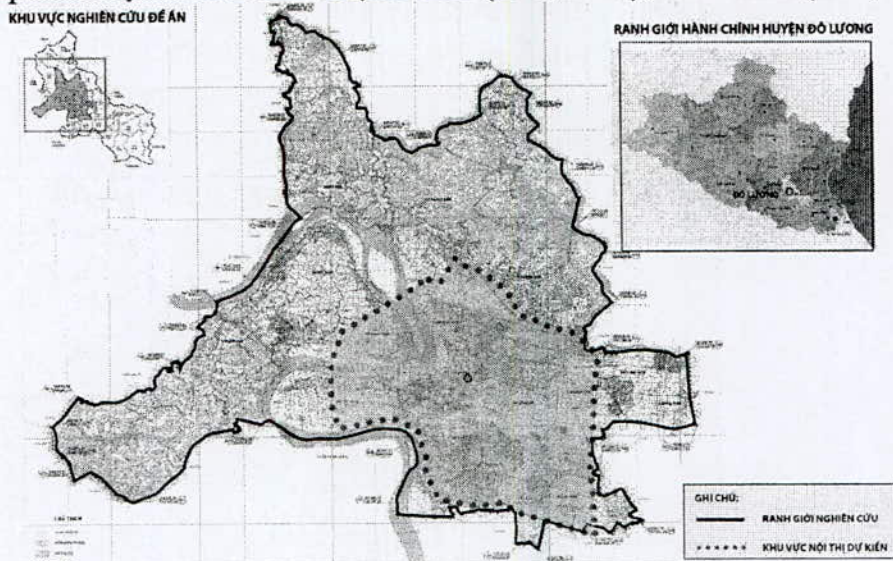
### I. PHẠM VI LẬP ĐỀ ÁN

Vùng nghiên cứu lập Đề án phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng đô thị Đô Lương với phạm vi nằm trong địa giới của 14 đơn vị hành chính huyện Đô Lương, tổng diện tích tự nhiên khoảng 7.930,0 ha gồm:

1. Thị trấn Đô Lương hiện hữu: 236,63ha.

2. Toàn bộ diện tích 11 xã: Bồi Sơn (914,39ha), Trảng Sơn (927,94ha), Đặng Sơn (430,83ha), Đông Sơn (1.016,60ha), Nam Sơn (1.214,47ha), Bắc Sơn (491,52ha), Yên Sơn (430,22ha), Văn Sơn (462,17ha), Đà Sơn (425,89ha), Lạc Sơn (494,66), Lưu Sơn (529,98ha).

3. Một phần diện tích 2 xã: Thịnh Sơn (230,23ha), Hòa Sơn (124,47ha).



### II. TỔNG QUAN CHUNG THỰC TRẠNG ĐÔ THỊ ĐÔ LƯƠNG

#### 1. Vị trí, vai trò đô thị Đô Lương trong mối liên hệ vùng, tỉnh

##### 1.1. Vị trí, vai trò

Đô Lương nằm ở trung tâm tỉnh Nghệ An, miền Trung Việt Nam; Toạ độ địa lý:  $105^{\circ}12'35'' \div 105^{\circ}28'33''$  kinh độ Đông và  $18^{\circ}46'17'' \div 19^{\circ}03'13''$  vĩ độ Bắc; Địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp: huyện Yên Thành.
- Phía Tây giáp: huyện Anh Sơn, Thanh Chương.
- Phía Bắc giáp: huyện Tân Kỳ, Anh Sơn.
- Phía Nam giáp: huyện Nam Đàn, Nghi Lộc.

Đô Lương là huyện đồng bằng bán sơn địa, là địa bàn tiếp nối giữa vùng đồng bằng ven biển và vùng miền núi phía Tây của tỉnh Nghệ An;

Đô Lương là huyện trung tâm của vùng, là cửa ngõ của miền Tây xứ Nghệ, có 33 đơn vị hành chính (32 xã và 1 thị trấn), trong đó Thị trấn Đô Lương là trung tâm huyện lỵ, trên địa bàn có các trục giao thông quan trọng đi qua như: QL.7, QL.7B, QL.7C, QL.15A, QL.46B, QL.46C, QL.48E,... có điều kiện thuận lợi trong giao lưu, quan hệ kinh tế, văn hoá, xã hội với các địa phương trong, ngoài tỉnh và nước bạn Lào, nhất là thương mại, dịch vụ, kết nối những trọng điểm kinh tế như Khu kinh tế Đông Nam; Cảng Cửa Lò; đường Hồ Chí Minh; Cửa khẩu Nậm Cắn, Cửa khẩu Thanh Thủy, sang các nước Lào, Thái Lan,... Trong tương lai Đô Lương được định hướng quy hoạch phát triển trở thành thị xã.

Với vị trí thuận lợi, có nhiều tuyến quốc lộ quan trọng của tỉnh đi qua, đô thị Đô Lương trở thành đô thị buôn bán, trung chuyển sầm uất như chợ Lường xưa, nơi trao đổi hàng hóa lớn nhất nhì vùng đất Nghệ An trước đây, là trung tâm luân chuyển hàng hóa đi khắp mọi miền, kể cả sang nước bạn Lào, Trung Quốc, Thái Lan và Campuchia, nổi danh là khu vực trù phú, phát triển, đô hội, thu hút đông đảo người dân tứ xứ về trao đổi buôn bán hàng hóa, có giao thương rộng khắp cả nước về buôn bán hàng nông sản, thực phẩm, đồ gỗ... Đô Lương cũng có truyền thống lâu đời về nghề thủ công, buôn bán, trồng dâu nuôi tằm dệt lụa dọc các xã ven sông Lam, nhất là Đặng Sơn, Bắc Sơn... tạo nên cảnh ngày đêm tấp nập trên bến dưới thuyền.

Hiện tại Đô Lương có Trung tâm thương mại kết hợp với chợ truyền thống, Trung tâm thương mại Lan Chi và các nhà hàng, siêu thị kinh doanh hàng hóa đa dạng, thực hiện đầu tư hạ tầng cơ sở các khu quy hoạch theo hướng hiện đại, tạo diện mạo mới cho sự phát triển đô thị hóa và là một trong những tiêu chí làm tiền đề để đô thị Đô Lương đạt tiêu chí đô thị loại IV và huyện Đô Lương thành thị xã theo hướng Thương mại, dịch vụ. Ngoài có chợ đầu mối sầm uất, có kiến trúc, quy mô thuộc tốp đầu của tỉnh, huyện Đô Lương còn có lợi thế để phát triển các ngành công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, xi măng, có Nhà máy xi măng Sông Lam đi vào hoạt động (năm 2016), dự án chia làm 2 giai đoạn; Giai đoạn 1 sản xuất 4 triệu tấn clinker/năm với tổng mức đầu tư là 12.500 tỷ đồng, giai đoạn 2 UBND tỉnh đã cho chủ trương mở rộng xây dựng nhà máy, đây là một trong những nhà máy xi măng có quy mô lớn và hiện đại nhất trên địa bàn tỉnh. Trên địa bàn hiện tại có 02 nhà máy may (Nhà máy may Minh Anh và Nhà máy may Kido) thu hút, tạo công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho hơn 9.000 lao động trên địa bàn và các huyện lân cận, hàng năm xuất khẩu hàng triệu sản phẩm đi các nước trên thế giới.

Về quốc phòng, an ninh: Huyện Đô Lương giữ vị trí, vai trò hết sức quan trọng trên địa bàn tỉnh, rất nhiều địa phương phải đi qua địa bàn để đến trung tâm của tỉnh và các địa phương khác, ngoài việc tiếp giáp với 6 huyện đều có



tuyến đường kết nối các trung tâm bằng các tuyến quốc lộ quan trọng, còn có các huyện (Kỳ Sơn, Con Cuông, Tương Dương,..) khi kết nối từ trung tâm tỉnh (TP. Vinh) phải đi qua huyện Đô Lương. Sau khi tuyến đường quốc lộ 7C kéo dài đến huyện Tân Kỳ hoàn thành sẽ trở thành tuyến giao thông quan trọng kết nối và giao thương với các huyện (Nghĩa Đàn, Thị xã Thái Hòa, Quỳnh Hợp, Quế Phong, Quỳnh Châu) góp phần phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng, an ninh ổn định cho địa bàn cả tỉnh Nghệ An.

Theo chủ trương đã được khẳng định tại Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020; Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 30/7/2013 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020; Cụ thể hoá điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An đến năm 2020 đã được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 620/QĐ-TTg ngày 12/5/2015; và Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng đô thị Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An (tỷ lệ 1/10.000); đô thị Đô Lương hướng tới phát triển thành đô thị văn minh, hiện đại, đóng góp ngày càng lớn cho tiến trình phát triển, từng bước trở thành một trung tâm thương mại, dịch vụ, cực tăng trưởng, là hạt nhân động lực cho sự phát triển toàn vùng phía Tây tỉnh Nghệ An.

### ***1.2. Các mối liên hệ liên vùng***

Đô thị Đô Lương có tiềm năng lợi thế đặc biệt về địa lý kinh tế và chính trị; khả năng kết nối vùng quốc tế, kết nối vùng quốc gia, kết nối vùng Bắc Trung Bộ, kết nối vùng tỉnh và kết nối vùng huyện, khá thuận lợi với thị trường trực tiếp (r=50km) khoảng 4,2 triệu người; thị trường gián tiếp (r=150km) khoảng 8,2 triệu người; Cụ thể:

- Kết nối vùng - Giao thông đường bộ

Với đường bộ có thể kết nối Vùng Bắc Trung Bộ gồm các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế; tuyến quốc lộ 15A; 7A; 7C; 46B; 1A; đường Hồ Chí Minh;

- Kết nối vùng - Giao thông đường thủy

Với đường thủy liên tỉnh (Vinh - Hải Phòng - Quảng Ninh; Vinh - Quảng Trị - Huế - Đà Nẵng - Quy Nhơn - Nha Trang); Tuyến du lịch quốc tế (Vinh - Phòng Thành - Quảng Tây (Trung Quốc), Vinh - Hải Nam (Trung Quốc): qua sông Lam, cảng Cửa Lò.

- Kết nối vùng - Giao thông đường không

Thông qua đường hàng không có thể tổ chức nối tuyến du lịch liên tỉnh, thành phố với du lịch quốc tế đến các nước Lào, Trung Quốc, Hồng Kông.

Trong đó các tuyến du lịch từ Vinh tới thủ đô Hà Nội, TP.Huế, TP.Đà Nẵng và TP.Hồ Chí Minh được xác định là các tuyến du lịch quan trọng góp phần vào phát triển du lịch tỉnh Nghệ An vì các trung tâm du lịch này là cầu nối đến các vùng du lịch khác trong cả nước và các nước khác trong khu vực và trên thế giới: cách sân bay Vinh khoảng 50km.

- Kết nối vùng tỉnh

Đối với đô thị Đô Lương duy trì kết nối vùng truyền thống trên tuyến 5 tuyến Quốc lộ đi qua với chiều dài 95,65 km (QL.7 dài 15,8 km, QL.7C dài 21,5 km, QL.15A dài 46,35 km, QL.46B dài 9,0 km và QL.46C dài 3,0 km); 01 tuyến tỉnh lộ 534 dài 7,5 km. Đường huyện có 12 tuyến với tổng chiều dài 73,0 km.

Đô thị Đô Lương kết nối trực tiếp với thành phố Vinh qua QL.7C khoảng 58Km, QL.15A khoảng 62 km, QL.46B khoảng cách 60 km; Kết nối trực tiếp với huyện Tân Kỳ qua QL.15A khoảng 18Km; Kết nối trực tiếp với huyện Nghi Lộc qua QL.7C khoảng 32Km; Kết nối trực tiếp với huyện Thanh Chương qua QL.46B, khoảng 17 km; Kết nối trực tiếp với huyện Yên Thành qua QL.7 khoảng cách 30 km; Kết nối trực tiếp với huyện Nam Đàn qua QL.15A, khoảng cách 33 km; Kết nối trực tiếp huyện Anh Sơn qua QL.7 khoảng cách 27 km; Kết nối với huyện Diễn Châu khoảng 33Km.

Đô thị Đô Lương có thể kết nối với các trung tâm kinh tế trong tỉnh: Thành phố Vinh, thông qua tuyến đường QL.7C khoảng 58Km; Thị xã Hoàng Mai, thông qua tuyến đường quốc lộ 7A và 1A, khoảng 70 km; Thị xã Thái Hòa, thông qua quốc lộ QL15A và đường Hồ Chí Minh, khoảng 63 km.

- Kết nối vùng huyện:

Đô thị Đô Lương là trung tâm của huyện kết nối trực tiếp với các xã Lam Sơn, Ngọc Sơn, Trung Sơn, Thịnh Sơn, Hoà Sơn, Bài Sơn, Hồng Sơn, Giang Sơn Tây, Tân Sơn, Xuân Sơn...

Tuyến đường giao thông xã: Có 75 tuyến đường xã với chiều dài khoảng 120,86 km, trong đó đường bê tông xi măng 102,46 km (chiếm 84,78%), đường nhựa 18,4 km (chiếm 15,22%).

*Nhận xét chung:* Đô thị Đô Lương được quy hoạch có vị trí thuận lợi, có nhiều tuyến quốc lộ quan trọng của tỉnh đi qua, đóng vai trò quan trọng kết nối trung tâm của tỉnh với các huyện vùng phía Tây Nghệ An; tuy nhiên mức độ phát triển của đô thị Đô Lương trong những năm qua còn chưa tương xứng với tiềm năng về vị trí, vai trò. Một trong những lý do quan trọng đó là do hạ tầng giao thông những năm qua chưa được đầu tư đầy đủ và đồng bộ, cụ thể như các QL.7, QL.15A, QL.46B đoạn đi qua đô thị bề rộng mặt đường nhỏ hẹp, tuy đã được đầu tư, nâng cấp mặt nhựa (đoạn qua đô thị, mật độ dân cư lớn, số lượng nhà cửa, các công trình dân dụng khác lớn, chi phí giải phóng mặt bằng cao) nhưng chưa đáp ứng được tốc độ phát triển của đô thị với lưu lượng người và phương tiện lưu thông tăng cao, dẫn tới hạn chế về phát triển kinh tế. Do đó, cần đầu tư mở rộng một số đoạn ngoài đô thị và xây dựng các tuyến đường vành đai, các tuyến đường tránh đầu nối quốc lộ với vùng lõi đô thị có bề rộng mặt đường lớn, đảm bảo nhu cầu đi lại, giao thương buôn bán, vận chuyển hàng hóa, phát triển kinh tế - xã hội huyện và kết nối vùng phía Tây Nghệ An với trung tâm của tỉnh.

Trong những năm qua, Đô Lương đã tập trung khai thác các tiềm năng lợi thế đưa ngành thương mại dịch vụ của huyện ngày càng phát triển, hạ tầng thương mại được quan tâm đầu tư xây dựng... Tuy nhiên, còn chưa tương xứng với tiềm năng lợi thế, chưa đáp ứng được yêu cầu về phát triển hội nhập.

#### - Kết nối thị trường

**Kết nối thị trường trực tiếp:** Vùng ảnh hưởng của thị trường đô thị được xác định tổng hợp các yếu tố về kinh tế, xã hội trong khoảng bán kính 50 km (trực tiếp); Tổng quy mô dân số: Thị trường trực tiếp ( $r=50\text{km}$ ): 2 tỉnh thành (Thanh Hóa, Hà Tĩnh), khoảng 4.200.000 người (4,2 triệu người).

**Kết nối thị trường gián tiếp:** Vùng ảnh hưởng của thị trường đô thị được xác định tổng hợp các yếu tố về kinh tế, xã hội trong khoảng bán kính 150 km (gián tiếp); Tổng quy mô dân số: Thị trường gián tiếp ( $r=150\text{km}$ ): 4 tỉnh thành (Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Ninh Bình), khoảng 8.200.000 người (8,2 triệu người).

### 2. Quy mô Kinh tế

Quy mô nền kinh tế huyện Đô Lương tính đến năm 2020 đứng thứ 7/21 huyện thành thị, với tốc độ tăng trưởng cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng tăng tỷ trọng dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản, cụ thể:

- Tổng giá trị sản xuất (giá hiện hành) năm 2020 đạt 20.111,37 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 54,0 triệu đồng.
- Tốc độ tăng trưởng năm 2020 đạt 8,46%.
- Cơ cấu kinh tế đến năm 2020 Nông - lâm - thủy sản 17,90%; Công nghiệp - xây dựng 33,23%; Dịch vụ 48,87%.
- Sản lượng lương thực cây có hạt đạt 101.661,30 tấn.
- Trọng lượng thịt hơi các loại xuất chuồng đạt 22.352 tấn
- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2020 đạt 388,91 tỷ đồng;
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2020 khoảng 7.094,91 tỷ đồng.

### 3. Quy mô đất đai, dân số và lao động

#### 3.1. Quy mô đất đai

Tổng diện tích đất tự nhiên của đô thị Đô Lương là: 79,3 km<sup>2</sup>, trong đó:

- Khu vực nội thị dự kiến có diện tích 24,77 km<sup>2</sup> bao gồm thị trấn Đô Lương và một phần các xã Tràng Sơn, Đông Sơn, Yên Sơn, Văn Sơn, Lạc sơn và Đà Sơn;

- Khu vực ngoại thị dự kiến có diện tích 54,53 km<sup>2</sup> bao gồm 05 xã: Bồi Sơn, Đặng Sơn, Nam Sơn, Bắc Sơn, Lưu Sơn và một phần các xã Tràng Sơn, Đông Sơn, Yên Sơn, Văn Sơn, Lạc sơn, Đà Sơn, Hoa Sơn và Thịnh Sơn.

#### 3.2. Dân số

**Quy mô dân số:** Khu vực đô thị Đô Lương tính đến 31/12/2020 (bao gồm cả dân số quy đổi) là: **99.259** người cụ thể:

- Dân số khu vực nội thị dự kiến (bao gồm dân số quy đổi) là: **43.682** người; Trong đó: dân số thường trú là 35.382 người, dân số tạm trú quy đổi là 8.300 người.

- Dân số khu vực ngoại thị (bao gồm dân số quy đổi) là: **55.577** người; Trong đó: dân số thường trú là 51.577 người, dân số tạm trú quy đổi là 4.000 người.

### **3.3. Về phân bố dân cư**

Năm 2020, dân số trong độ tuổi lao động trong khu vực quy hoạch đô thị là 40.019 người; Lực lượng lao động chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp (NLNN), với cơ cấu lao động năm 2017 chiếm khoảng 66% trong tổng lực lượng lao động của huyện, trong khi nhóm ngành công nghiệp - xây dựng (CNXD) chỉ chiếm khoảng 24% và thương mại dịch vụ (TMDV) chiếm khoảng 10%. Mặc dù vậy, trên thực tế, lao động phi nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao, trong một hộ sản xuất bao giờ cũng có nhóm tham gia vào chế biến thủ công nghiệp, chế biến nông sản và tham gia vào dịch vụ buôn bán, giao thương... nên tỷ trọng phi nông nghiệp cần được xem xét theo một nhãn quan khác, làm cơ sở để đưa ra các chỉ tiêu, giúp cho việc được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV thuận lợi.

### **3.4. Về chất lượng nguồn nhân lực**

Đô thị Đô Lương có nguồn nhân lực dồi dào với truyền thống cần cù, hiếu học sáng tạo trong lao động sản xuất và đời sống là cơ sở để tiếp tục đào tạo và hình thành đội ngũ cán bộ có trình độ quản lý, kỹ thuật và đội ngũ công nhân lành nghề đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai. Trong đó tổng lao động trong độ tuổi chiếm 47,4%.

Những năm gần đây chất lượng lao động ở đô thị Đô Lương và các xã xung quanh đã được cải thiện, trình độ văn hóa của lực lượng lao động ngày được nâng cao. Tỷ lệ lao động chưa tốt nghiệp phổ thông giảm, số lao động tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông ngày càng tăng. Số lao động được đào tạo tăng đều qua các năm, nhất là từ năm 2005 đến nay; Tuy nhiên, hầu hết lao động được đào tạo đang làm việc tại các cơ quan hành chính sự nghiệp, các cơ sở kinh doanh (tư nhân) phần lớn là lao động phổ thông, chưa được đào tạo.

## **4. Tình hình phát triển công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, thương mại**

Kinh tế của huyện liên tục tăng trưởng, bình quân đạt 11,83%/năm, Quy mô giá trị tăng thêm năm 2020 gấp 1,75 lần so với năm 2015, đứng thứ 7/21 địa phương trong tỉnh. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng; tỷ trọng nông - lâm - thủy sản từ 26,77% năm 2015 giảm xuống còn 17,90% năm 2020; tỷ trọng công nghiệp - xây dựng từ 26,62% năm 2015 tăng lên 33,23% năm 2020 và tỷ trọng dịch vụ, thương mại từ 46,61% năm 2015 tăng lên 48,87% năm 2020. Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 54 triệu đồng/người/năm.

### **4.1. Công nghiệp-Xây dựng và thu hút đầu tư**

- Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tiếp tục duy trì, phát triển; đến nay có 2.540 cơ sở hoạt động, tăng 321 cơ sở so với năm 2015, giải quyết

việc làm cho 12.266 lao động. Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng, quy hoạch các cụm công nghiệp, xúc tiến thu hút đầu tư góp phần tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn; đồng thời tích cực thu hút đầu tư các dự án ngoài ngân sách phát triển ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Định kỳ tổ chức bình chọn các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện để tham gia bình chọn sản phẩm tiêu biểu cấp tỉnh, trong nhiệm kỳ có 3 sản phẩm được công nhận. Duy trì hoạt động các làng nghề hiện có trên địa bàn đã được UBND tỉnh công nhận; chỉ đạo xây dựng khu sản xuất, quảng bá, trao đổi mua bán nguyên liệu, sản phẩm, xây dựng mẫu bao bì và xây dựng thương hiệu tập thể cho sản phẩm bánh đa, kẹo lạc làng nghề Vĩnh Đức, đến nay Cục sở hữu trí tuệ đã có quyết định công nhận; đồng thời chỉ đạo xây dựng, hướng dẫn các xã lập hồ sơ, thẩm định và công nhận mới 3 làng có nghề.

- Tranh thủ tối đa các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách cấp trên và tích cực huy động nguồn lực tại địa phương để đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình xã hội dân sinh, hạ tầng kinh tế và công trình giao thông trọng điểm và trong nhiệm kỳ đã đầu tư xây dựng 21.270,5 km đường giao thông nông thôn, với tổng kinh phí thực hiện 620,127 tỷ đồng; hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều dự án thuộc lĩnh vực thủy lợi, giáo dục, y tế, trụ sở làm việc, các công trình văn hóa, hệ thống điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, hạ tầng đô thị; đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa, ngoài các khu đô thị Vườn Xanh, khu dân cư Đê Cầu Dâu, hiện nay đang tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội các khu đô thị, khu dân cư mới, như: Khu đô thị Nam Thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 05/7/2021; các khu dân cư mới tại Thị trấn và các xã Đông Sơn, Trảng Sơn, Yên Sơn, Đà Sơn, Lưu Sơn, Văn Sơn đều được đầu tư xây dựng hạ tầng đạt chuẩn; năm 2018, Thị trấn Đô Lương được công nhận đô thị loại V và đang xây dựng quy hoạch tổng thể Thị trấn Đô Lương đủ tiêu chuẩn đạt tiêu chí đô thị loại IV. Công tác quản lý quy hoạch, công tác cấp giấy phép xây dựng và kiểm tra sau cấp phép xây dựng được tăng cường; công tác quản lý xây dựng cơ bản qua thực hiện đấu thầu, chọn thầu, đã tiết kiệm cho Nhà nước hàng tỷ đồng; thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng các công trình, dự án trọng điểm để bàn giao mặt bằng cho các nhà thầu, nhà đầu tư. Tổng vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2015 - 2020 trên địa bàn đạt trên 30.000 tỷ đồng.

Tổng giá trị gia tăng ngành công nghiệp - xây dựng tăng từ 1.263,74 tỷ đồng năm 2015 (Theo giá cố định 2010) lên 2.700,23 tỷ đồng năm 2020; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015-2020 đạt 16,40%.

- Thời gian qua, huyện Đô Lương đã tập trung thu hút xây dựng, mở rộng, lấp đầy các Cụm công nghiệp trên địa bàn có hiệu quả. Trên địa bàn hiện nay có 03 CCN là: Cụm công nghiệp Lạc Sơn, Cụm công nghiệp Thượng Sơn và Cụm công nghiệp thị trấn Đô Lương;

+ Cụm công nghiệp Lạc Sơn ban đầu có diện tích là 16,42ha đã hoàn thiện hạ tầng đồng bộ, thu hút các doanh nghiệp vào sản xuất, đạt tỷ lệ 60%. Hiện nay đã được UBND tỉnh cho chủ trương điều chỉnh mở rộng diện tích lên 74,44ha. Đang thực hiện thu hút các nhà đầu tư vào đầu tư xây dựng và đã có Công ty CP Thiết bị Trường Hải đăng ký.

+ Cụm công nghiệp Thượng Sơn có quy mô 8,4ha, đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500, và đang kêu gọi các doanh nghiệp vào đầu tư, hiện nay UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư nhà máy sản xuất ngói công nghệ cao quy mô 5ha, tổng vốn đầu tư 99 tỷ đồng. UBND huyện tiếp tục trình phương án mở rộng CCN lên 40,4ha.

+ Cụm công nghiệp thị trấn Đô Lương: Có diện tích 7,8ha đã thu hút 13 doanh nghiệp vào sản xuất. Tuy nhiên, với diện tích CCN nhỏ, nằm trong nội đô, không thể mở rộng diện tích sản xuất, gần khu dân cư, không đảm bảo vệ sinh môi trường, cảnh quan đô thị. UBND huyện đang lập quy hoạch để có phương án di dời CCN này vào CCN Lạc Sơn, tạo quỹ đất thu hút đầu tư các dự án dịch vụ, thương mại, phát triển vùng lõi đô thị.

- Ngoài thu hút đầu tư xây dựng các CCN, lĩnh vực Công nghiệp - Xây dựng, huyện Đô Lương cũng thu hút, xây dựng được nhiều dự án lớn, như:

+ Dự án Nhà máy may Minh Anh tại xã Quang Sơn, huyện Đô Lương do Công ty CP May Minh Anh - Đô Lương, diện tích đất 6,7ha, tổng vốn đầu tư 150 tỷ đồng, dự án đã đi vào hoạt động sản xuất, gia công xuất khẩu hàng may mặc khoảng 15.000.000 sản phẩm/ năm, thu hút và tạo việc làm cho hơn 5.000 lao động. Hiện đang đề xuất mở rộng, thực hiện xây dựng thêm các tổ hợp dịch vụ đi kèm.

+ Dự án Nhà máy giặt Minh Anh tại xã Minh Sơn, quy mô 3,1ha, tổng mức đầu tư 200 tỷ đồng, hiện đang trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.

+ Dự án nhà máy may Kido quy mô 7,7 ha, thu hút và tạo việc làm cho hơn 4.000 lao động.

+ Dự án Nhà máy xi măng Đô Lương: Giai đoạn 1 sản xuất 4 triệu tấn clinker/năm với tổng mức đầu tư là 12.500 tỷ đồng, giai đoạn 2: UBND tỉnh đã cho chủ trương mở rộng xây dựng nhà máy.

+ Dự án Khu đô thị mới Cầu Dầu với diện tích khu đất 16,6ha, tạo bộ mặt phát triển mới cho khu vực ven sông Lam qua các xã Trảng Sơn, Đông Sơn và thị trấn Đô Lương.

+ Dự án Khu đô thị Nam thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương đã được UBND tỉnh chấp thuận Nhà đầu tư Công ty CP đầu tư và thương mại Hùng Sơn, tại Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 28/10/2021, diện tích khu đất 11,42 ha, với tổng mức đầu tư là 447,753 tỷ đồng.

+ Ngoài ra huyện Đô Lương đã và đang tập trung đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông, cơ sở hạ tầng để kết nối các CCN với các tuyến quốc lộ quan trọng, tạo điều kiện cho việc thu hút các dự án đầu tư vào CCN.

#### 4.2. Dịch vụ, thương mại

- Hoạt động ngành dịch vụ, thương mại luôn duy trì được sự tăng trưởng và chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của huyện, hoạt động kinh doanh, dịch vụ phát triển phong phú, đa dạng đáp ứng cho sản xuất và nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân; tham gia các hội chợ xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh nhằm quảng bá các sản phẩm tiêu biểu của huyện, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, đến nay toàn huyện có 6.332 cơ sở hoạt động về thương mại - dịch vụ, tăng 469 cơ sở so với năm 2015, thu hút trên 10.000 lao động tham gia; tiến hành đầu tư xây dựng mới, nâng cấp cải tạo 9 chợ và tạo điều kiện để hình thành các siêu thị, hệ thống cửa hàng phục vụ nhu cầu mua sắm của Nhân dân, đáp ứng nhu cầu giao thương hàng hóa. Thu hút dự án Trung tâm thương mại kết hợp chợ truyền thống Đô Lương tại xã Yên Sơn và Thị trấn, với tổng mức đầu tư 330 tỷ đồng (Hiện đã hoàn thành đưa vào sử dụng); dự án Trung tâm thương mại Lan Chi tại xã Văn Sơn, với tổng vốn đầu tư 85 tỷ đồng (Hiện đã hoàn thành đưa vào sử dụng) và khu tổ hợp Trung tâm thương mại Anh -Thanh- Đô tại khu đô thị Vườn Xanh đã đi vào hoạt động, với tổng mức đầu tư trên 100 tỷ đồng. Ngoài ra còn có các siêu thị bán lẻ, có 13 chợ cấp xã, các điểm kinh doanh bán lẻ tại các địa phương trong khu quy hoạch đô thị. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng năm 2020 đạt 11.643 tỷ đồng, tăng 6.119 tỷ đồng so với năm 2015.

- Các loại hình dịch vụ vận tải: Xe khách vận chuyển hành khách liên tỉnh, nội tỉnh có khoảng 50 xe, có 4 tuyến xe bus với gần 100 xe, hoạt động dịch vụ Taxi đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn (Taxi Lạc Hồng, Mai Linh.); các loại hình thông tin, bưu chính, bảo hiểm, y tế... được mở rộng và đầu tư hiện đại với nhiều loại hình dịch vụ mới.

- Dịch vụ tín dụng ngân hàng: Trên địa bàn có 05 Ngân hàng, 07 tổ chức tín dụng; các tổ chức tín dụng, ngân hàng tiếp tục duy trì hoạt động ổn định, mức tăng trưởng khá, góp phần đáp ứng nhu cầu vốn vay cho nền kinh tế, các nguồn vốn vay được mở rộng cho nhiều đối tượng, tạo điều kiện cho Nhân dân được vay vốn để đầu tư sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần đẩy mạnh công tác giảm nghèo.

Trên địa bàn huyện có nhiều doanh nghiệp, tuy nhiên cơ bản đang là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, chưa có doanh nghiệp lớn nên chưa phát huy hiệu quả các dịch vụ về tín dụng ngân hàng để thúc đẩy phát triển kinh tế.

- Dịch vụ cung cấp nước sạch: Ngoài nhà máy nước tại xã Đông Sơn, công suất 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm cung cấp nước sạch cho địa bàn thị trấn và các xã lân cận; huyện Đô Lương cũng thu hút thêm Nhà máy nước sạch tại xã Hòa Sơn, công suất 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm hiện đã đi vào hoạt động, cung cấp nước sạch cho 22000 hộ dân trên địa bàn 14 xã.

- Dịch vụ về giáo dục: Nhiều năm qua phát huy truyền thống hiếu học ngành giáo dục Đô Lương đã có nhiều nỗ lực trong dạy và học, đạt được nhiều thành tích, là địa phương ở tốp đầu của tỉnh trong sự nghiệp “trồng người”. Tuy nhiên dịch vụ giáo dục chưa được khai thác tương xứng về tiềm năng, vị thế,

chưa thu hút được Nhà đầu tư về xây dựng các Trung tâm phát triển các kỹ năng mềm, trung tâm Tin học - Ngoại ngữ.

- Dịch vụ Y tế: Trên phạm vi đô thị Đô Lương có 01 bệnh viện đa khoa huyện ở xã Đà Sơn với 275 giường bệnh, định hướng quy hoạch là Bệnh viện vùng, 01 trung tâm y tế huyện và 14 trạm y tế tại các đơn vị cấp xã, có 04 cơ sở khám chữa bệnh ngoài công lập có quy mô và 59 phòng khám, hành nghề dược, quầy thuốc vừa và nhỏ.

Về hoạt động ngành Y, huyện Đô Lương có rất nhiều Phó Giáo sư, tiến sĩ y học nổi tiếng trên cả nước như: Chính ủy, Thiếu tướng PGS.TS. Nguyễn Việt Lượng học viện Quân y; Đại tá PGS.TS Nguyễn Văn Khoa, nguyên Phó Giám đốc Bệnh viện Quân y 103; PGS.TS Võ Văn Bản, Phó Giám đốc Bệnh viện Việt Pháp, ... Tương lai phát triển thành Thị xã Đô Lương, với hạ tầng giao thông thuận lợi lưu thông Bắc - Nam, huyện Đô Lương cần quy hoạch khu đất để thu hút các nhà đầu tư, các doanh nghiệp phát triển về ngành Y, tăng giá trị dịch vụ.

Tổng giá trị gia tăng ngành dịch vụ tăng từ 2.175,74 tỷ đồng năm 2015 (theo giá cố định 2010) lên 3.823,00 tỷ đồng năm 2020; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015-2020 đạt 12,71%.

### **5. Lĩnh vực văn hóa - du lịch**

- Đến 2020 huyện Đô Lương có 353/1.104 dòng họ văn hóa đạt 32%; Gia đình văn hóa 47.605/56.054 hộ (84,93%); 157/190 làng văn hóa (đạt tỷ lệ 82.63%); 155/216 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa (đạt tỷ lệ 71.75%). Hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao từ huyện đến cơ sở được nâng cấp đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao của nhân dân. Đến năm 2021, có 33/33 xã, thị trấn được công nhận xã có thiết chế văn hóa - thể thao đạt chuẩn; năm 2020 có thêm 16 mô hình văn hóa đạt chuẩn và 4 xã được công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, Thị trấn được công nhận “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”.

- Di tích văn hóa, lịch sử, kiến trúc nghệ thuật:

Đô Lương có 191 di tích, danh thắng với đa dạng các loại hình: đình, đền, chùa, miếu, điện, nhà thờ họ, được đưa vào danh mục phân cấp quản lý theo Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 17/01/2018 của UBND tỉnh Nghệ An, có 36 di tích đã được xếp hạng gồm 9 di tích cấp quốc gia và 27 di tích cấp tỉnh. Nhiều di tích nổi tiếng, có giá trị lịch sử, kiến trúc và tâm linh như: đền Quả Sơn (xã Bồi Sơn), đền Đức Hoàng (xã Yên Sơn), đình Long Thái (xã Thái Sơn), đình Lương Sơn (xã Bắc Sơn), Khu di tích lịch sử Trùng Bồn (xã Mỹ Sơn), đền thờ Nguyễn Cảnh Hoan (xã Trảng Sơn), đền Phú Thọ (xã Lưu Sơn), đền Linh Kiếm (xã Thuận Sơn), Đền Hội Thiện (xã Trù Sơn), Chùa Bà Bụt (xã Lam Sơn), chùa Phúc Mỹ (xã Yên Sơn), chùa Ba Nàng (xã Mỹ Sơn)... Trong đó, Đền Phú Thọ được công nhận di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia năm 2012, Khu di tích lịch sử Trùng Bồn được công nhận điểm du lịch năm 2016, Đền Quả Sơn được



công nhận điểm du lịch năm 2018. Hệ thống di tích trên được xác định là tiềm năng to lớn, là thế mạnh đối với phát triển du lịch tâm linh.

Ngoài ra, Đập Bara Đô Lương - một công trình kiến trúc từ thời Pháp thuộc được đánh giá là có giá trị lớn về mặt lịch sử và kiến trúc có thể phục vụ khai thác cho hoạt động du lịch trong thời gian tới. Hệ thống đập Bara Đô Lương dài hơn 340 m, có nhiệm vụ ngăn dòng chảy sông Lam, làm nước dâng cao 10m so với mực nước biển, tạo nguồn nước ổn định phía thượng lưu của đập phục vụ cho việc tưới tiêu và du lịch bằng tàu, thuyền trên sông.

Thời gian qua, công tác đầu tư nhằm bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa kết hợp với phục vụ du lịch tâm linh được quan tâm như: Khu di tích lịch sử quốc gia Trùng Bồn được đầu tư từ nguồn xã hội hóa và ngân sách Nhà nước với tổng mức đầu tư trên 175 tỷ đồng; di tích lịch sử quốc gia Đền Quả Sơn, nổi tiếng linh thiêng bậc nhất xứ Nghệ, đền thờ Uy Minh Vương - Lý Nhật Quang, Hoàng tử thứ 8 của Lý Thái Tổ cũng được bảo tồn, tôn tạo, hàng năm thu hút hàng nghìn lượt khách tham quan, dự Lễ hội; Suối nước khoáng nóng Giang Sơn nằm trong lòng đập Mộ Dạ, có diện tích quy hoạch hơn 600ha, dự kiến quy hoạch thành khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng tạo điểm nhấn quan trọng trong tuyến du lịch Vinh - Khu Di tích Kim Liên - Đô Lương - Cột mốc số 0 Tân Kỳ và Du lịch sinh thái cộng đồng Pù Mát, hiện đang thu hút Nhà đầu tư; Khu du lịch sinh thái trải nghiệm 19-5 tại xã Văn Sơn đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định 92/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 với, với diện tích khoảng 49,2ha và tổng vốn đầu tư khoảng 196 tỷ đồng; Đình Lương Sơn tại xã Bắc Sơn, Nhà thờ Nguyễn Cảnh Hoan xã Tràng Sơn, Đền Đức Hoàng, Đền thờ Thái Bá Du xã Yên Sơn...và các hoạt động lễ hội kết hợp với nhu cầu tham quan của du khách có xu hướng phát triển.

#### - Di sản văn hóa phi vật thể

Dân ca ví giặm Nghệ Tĩnh là loại hình nghệ thuật trình diễn dân ca được ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện cho nhân loại. Hiện nay, loại hình nghệ thuật này đang được bảo tồn và lan tỏa thông qua 9 câu lạc bộ dân ca trên địa bàn. Huyện Đô Lương có 2 nghệ nhân Dân ca ví giặm Nghệ Tĩnh được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận nghệ nhân ưu tú.

Đô Lương còn là địa phương giàu văn hóa ẩm thực với những món ăn được chế biến bằng nguồn sản vật của địa phương như: bánh mướt, bún, xúp lơ, hến sông, cá tràu nướng, cá còm, bánh đa, kẹo lạc, chè xanh, bánh ngũ sắc, bê, ghé ...

Cùng với hệ thống các di tích lịch sử văn hóa kiến trúc, Đô Lương có 7 lễ hội được tổ chức hàng năm tại các di tích và lễ hội đền thờ Nguyễn Cảnh Hoan được tổ chức 10 năm một lần gọi là “Thập niên sự lễ”. Năm 2018, Lễ hội Đền

Quả Sơn được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia. Trong những năm gần đây, Lễ hội Đền Quả Sơn được khai thác tốt phục vụ hoạt động du lịch tâm linh.

Làng nghề truyền thống có vai trò hết sức to lớn trong đời sống vật chất, văn hoá tinh thần của nhân dân nhất là ở khu vực nông thôn, nó mang tính tập tục truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc vùng miền của một địa phương, một dân tộc. Ngày nay, du lịch làng nghề đang là một xu hướng phát triển. Do đó, khai thác và phát triển làng nghề truyền thống trở thành một điểm đến du lịch là một hướng đi tất yếu cần được quan tâm khai thác. Đô Lương hiện có 7 làng được công nhận làng nghề truyền thống. Số hộ trực tiếp tham gia nghề là 412/1.549 hộ (chiếm tỷ lệ 27%).

- Ngoài ra, huyện Đô Lương không những có nhiều di tích lịch sử văn hóa, di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc, tiêu biểu; con người Đô Lương còn có truyền thống văn hóa đặc biệt, những tên đất, tên làng Bạch Ngọc, Văn Khuê, Văn Lâm, Văn Tràng, Rú Bút, Hòn Nghiên, Hòn Mực... từ lâu đã được nhân dân hình tượng hoá thể hiện sự khát vọng vươn lên trên con đường học hành, đỗ đạt khoa bảng. Triết lý “học để biết, biết để làm người” được chất lọc, chùng cất qua bao thế hệ, trở thành truyền thống hiếu học và tôn trọng nhân tài của nhân dân Đô Lương ngày nay.

Dù hoàn cảnh còn khó khăn nhưng con người Đô Lương thấm nhuần triết lý “học để biết, biết để làm người”, cho đến nay có khá nhiều người “gốc” Đô Lương vượt khó vươn lên học hành, đỗ đạt, trưởng thành được cả nước biết đến. Đó là GS.TS. Viện sĩ Nguyễn Cảnh Toàn, Nhà nghiên cứu và phê bình mỹ thuật Thái Bá Vân, GS. Hoàng Hữu Yên, GS.TS Nguyễn Sỹ Mão, GS.TS. Thái Bá Cầu, GS.TS. Hoàng Văn Hoàn, PGS.TS Nguyễn Bá Chất, PGS.TS. Nguyễn Bá Minh, PGS.TS. Lê Việt Nghị, GS.TS.NGND Hoàng Xuân Lượng...; Trước có Trương Hồng Quang - giải Nhất Văn toàn quốc (1976), sau này có Nguyễn Tất Nghĩa - HCV Vật Lý quốc tế và Châu Á - Thái Bình Dương (2009), rồi một loạt học sinh đỗ thủ khoa các trường đại học đều có “gốc” Đô Lương: Hoàng Tuấn Anh (2005), Tăng Văn Bình (2011), Nguyễn Duy Hải (2012)...

- Trên địa bàn huyện có 02 khách sạn (Khách sạn Anh - Thanh - Đô, khách sạn Thương nghiệp) và 24 nhà nghỉ đáp ứng đủ hàng trăm lượt khách lưu trú. Có 02 điểm đến du lịch đã được công nhận: di tích lịch sử quốc gia Đền Quả Sơn; Khu di tích lịch sử quốc gia Trùng Bồn.

- Ngoài tập trung đầu tư xây dựng khu di tích, các di tích, danh thắng; huyện Đô Lương đã phối hợp với các sở, ngành: Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, Văn hóa và Thể thao, Công Thương, Du lịch, Thông tin và Truyền thông để quảng bá, thực hiện du lịch và khai thác tiềm năng khu di tích, di tích, danh thắng; xây dựng các loại hình dịch vụ đi kèm như nhà hàng, khách sạn, kết hợp trưng bày, buôn bán các sản phẩm đặc sản vùng.

## **6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng**

### **6.1. Về hạ tầng xã hội**

#### *a) Nhà ở:*

Đất ở hiện trạng khoảng 1.348,67 ha. Ngoài khu vực thị trấn hiện hữu và các khu quy hoạch dân cư mới ở các xã, còn lại các khu vực dân cư ở các xã chủ yếu mang đặc trưng của khu dân cư nông thôn, các cụm dân cư cơ bản tập trung.

Có khoảng 13.078 ngôi nhà trong phạm vi nội thị; trong đó đều có nhà kiên cố và bán kiên cố; Tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố đạt gần 100%.

#### *c) Văn hóa - Xã hội - Thể dục thể thao*

- *Về văn hóa - xã hội:* Trên địa bàn khu vực đô thị Đô Lương có 02 công trình văn hóa cấp đô thị bao gồm Trung tâm văn hóa và bưu điện huyện. Hệ thống công trình văn hóa cấp khu ở đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân bao gồm 02 nhà văn hóa khu thị trấn, 14 điểm bưu điện văn hóa, 14 thư viện, 03 hiệu sách.

- *Về Thể dục thể thao:* Các công trình thể dục thể thao cấp đô thị kiên cố có chất lượng, kiểu dáng kiến trúc hiện đại và được đầu tư mua sắm trang thiết bị luyện tập tiên tiến; là địa điểm diễn ra các sự kiện, hoạt động phong trào thể dục thể thao của toàn huyện. Mạng lưới các cơ sở thể dục thể thao gồm có 68 cơ sở thể dục thể thao; trong đó có 02 cơ sở cấp đô thị là nhà thi đấu huyện và sân vận động huyện; 66 cơ sở cấp xã (thị trấn).

- Trong Khu trung tâm mới đô thị Đô Lương có quy hoạch Trung tâm văn hóa và tổ hợp thể thao huyện Đô Lương quy mô hơn 18 ha, trong đó có sân vận động thiết kế theo tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu để tổ chức các sự kiện thể dục thể thao lớn trong tỉnh, trong nước.

#### *d) Giáo dục - đào tạo*

- Trên phạm vi đô thị Đô Lương có 37 cơ sở giáo dục; trong đó, 03 cơ sở cấp đô thị bao gồm Trường Trung cấp kinh tế kỹ thuật Tây Nam Nghệ An, trường THPT Đô Lương 1, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Đô Lương, 01 cơ sở cấp huyện (Trường THCS Lý Nhật Quang) và 33 cơ sở cấp xã (thị trấn).

- Trong Khu trung tâm mới đô thị Đô Lương có quy hoạch đất Giáo dục hơn 9ha; phục vụ thu hút các nhà đầu tư xây dựng các trung tâm dịch vụ về giáo dục.

#### *e) Thương mại - dịch vụ - du lịch*

- Trong quy hoạch đô thị có 01 trung tâm thương mại kết hợp chợ truyền thống, diện tích 4,13ha, 01 trung tâm thương mại Lan Chi Đô Lương, diện tích 2,6ha. Có 13 chợ, các cửa hàng dịch vụ, bán lẻ tại cơ sở cấp xã (thị trấn). Ngoài ra có các điểm kinh doanh, buôn bán nhỏ lẻ dọc theo các trục đường lớn đoạn qua trung tâm thị trấn và các xã.

- Trên phạm vi toàn huyện: có 34 chợ/29 xã, thị trấn; có 01 Siêu thị hạng 3:

Siêu thị Linh Đan - Khối 3, thị trấn diện tích 500 m<sup>2</sup>; 31 cửa hàng xăng dầu đang hoạt động và 04 cửa hàng đã có chủ trương đầu tư và đang chuẩn bị đầu tư xây dựng. Cửa hàng kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng: 100 cửa hàng; Hệ thống kho bãi hàng hóa: 8 kho; mạng lưới phân phối hàng hóa trên địa bàn huyện đáp ứng được nhu cầu mua sắm hàng hóa của nhân dân. Ngoài các chợ truyền thống, các cửa hàng tạp hóa thì còn nhiều cửa hàng tiện lợi, cửa hàng chuyên doanh đáp ứng đủ điều kiện tiêu chuẩn phục vụ nhu cầu của Nhân dân.

- Các loại hình dịch vụ vận tải: Xe khách vận chuyển hành khách liên tỉnh, nội tỉnh có khoảng 50 xe, có 3 tuyến xe bus với hơn 200 xe, hoạt động dịch vụ Taxi trên địa bàn đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn (Taxi Lạc Hồng, Mai Linh..) các loại hình thông tin, bưu chính, bảo hiểm, y tế... được mở rộng và đầu tư hiện đại với nhiều loại hình dịch vụ mới.

- Trên địa bàn có 05 Ngân hàng, 07 tổ chức tín dụng; các tổ chức tín dụng, ngân hàng tiếp tục duy trì hoạt động ổn định, mức tăng trưởng khá, góp phần đáp ứng nhu cầu vốn vay cho nền kinh tế, các nguồn vốn vay được mở rộng cho nhiều đối tượng, tạo điều kiện cho Nhân dân được vay vốn để đầu tư sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần đẩy mạnh công tác giảm nghèo.

- Thu hút xúc tiến mở các tour du lịch: Vinh - Nam Đàn - Đô Lương - Cột mốc số 0 (Tân Kỳ); Cửa Lò - Nam Đàn - Trường Bồn - Chùa Ba nàng - Đền Quả Sơn - suối nước khoáng nóng Giang Sơn; Cửa Lò - Đô Lương - Pù Mát; Đô Lương - Diễn Châu - Cửa Lò - Vinh; Vinh - Thanh Chương - Đô Lương - Con Cuông; ...

Ngoài ra, cơ sở hạ tầng thương mại - dịch vụ - du lịch, đã được nêu tại mục 4.2 và 4.3, trong thời gian tới huyện Đô Lương phải có kế hoạch cụ thể để xây dựng các hạ tầng đồng bộ, phát triển lĩnh vực của ngành.

## **6.2. Về hạ tầng kỹ thuật**

### *a) Hiện trạng hệ thống giao thông*

- Giao thông đường bộ (đối ngoại):

+ Hệ thống quốc lộ kết nối đô thị, huyện Đô Lương có 07 tuyến quốc lộ, tổng chiều dài 121,95Km, trong đó: QL.7 (15,8Km), QL.7B (14,3Km), QL.7C (21,5Km), QL.15A (46,35Km), QL.46B (9,0Km), QL.46C (3,0Km), QL.48E (12,0Km).

+ Hệ thống tỉnh lộ, tổng chiều dài 25,0Km, gồm 04 tuyến TL.533 (13,0Km), TL.533B (2,5Km), TL.534 (7,5Km), TL.538 (2,0Km).

Nhìn chung, huyện Đô Lương có hệ thống giao thông đối ngoại rất thuận lợi, là các tuyến quốc lộ quan trọng của tỉnh đóng góp trong phát triển kinh tế - xã hội cũng như quốc phòng - an ninh. Ngoài các tuyến QL.7, QL.15A, QL.46B, vừa qua UBND tỉnh đã thực hiện xây dựng QL.7C (đường giao thông nối đường

N5 - Khu kinh tế Đông Nam đến Hòa Sơn, Đô Lương) dài 28,5m, tổng mức đầu tư 1.266 tỷ đồng, năm 2016 tuyến đường đã đưa vào hoạt động trở thành trục giao thông quan trọng của tỉnh, giai đoạn 2 của dự án nối từ Hòa Sơn (Đô Lương) đến Tân Long (Tân Kỳ), vị thế sẽ là tuyến giao thông huyết mạch, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao năng lực hàng hóa, phục vụ nhu cầu vận chuyển nguyên liệu và các sản phẩm từ các khu công nghiệp, nhà máy thuộc các huyện phía Tây Nghệ An về các huyện Đồng bằng.

Ngoài ra, có tuyến cao tốc Bắc - Nam hiện đang được đầu tư xây dựng, đoạn qua Nghệ An có chiều dài 87,84Km, qua thị xã Hoàng Mai và các huyện Quỳnh Lưu, Yên Thành, Diễn Châu, Nghi Lộc và Hưng Nguyên, tuyến đường hoàn thành sẽ tạo thuận lợi cho kết nối vùng huyện Đô Lương với trục phát triển kinh tế Bắc - Nam, thông qua điểm xuống giao cắt tại QL.7 (Diễn Châu) cách trung tâm đô thị Đô Lương khoảng 25 km, QL7C (Nghi Lộc) cách trung tâm đô thị Đô Lương khoảng 27 km.

- Giao thông (đô thị):

Hệ thống đường huyện trong phạm vi quy hoạch đô thị: Có 12 tuyến, tổng chiều dài khoảng 73 km, trong đó có 62 km đường láng nhựa (chiếm 84,93%), đường bê tông xi măng 11 km (chiếm 15,07%). Trong đó có một số tuyến quan trọng, như: Tuyến đường Yên Sơn - Đà Sơn, Tuyến đường Tràng - Minh, tuyến đường Thịnh - Bài - Giang, ... các tuyến đường tạo điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trong đô thị và góp phần thúc đẩy giao lưu với các vùng xung quanh.

Tuyến đường giao thông xã: Có 75 tuyến đường xã với chiều dài khoảng 120,86 km, trong đó đường bê tông xi măng 102,46 km (chiếm 84,78%), đường nhựa 18,4 km (chiếm 15,22%).

Bãi đỗ xe: Hiện có 1 bến xe khách ở xã Yên Sơn, diện tích 0,60 ha, đạt tiêu chuẩn loại 3 và 1 bến xe bus ở xã Tràng Sơn.

- Giao thông đường thủy:

Giao thông đường thủy trên địa bàn có sông Lam chảy qua với chiều dài 19,9 km, vận tải đường thủy là vật liệu xây dựng và hành khách bằng đò ngang.

*b) Hiện trạng cấp nước sinh hoạt*

Trong khu vực quy hoạch đã có nhà máy nước (NMN) Đông Sơn nguồn nước sông Đào, công suất 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Tổng nhu cầu dùng nước hiện tại khoảng 6.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, cấp nước cho thị trấn Đô Lương và một phần các xã phía Nam sông Đào (thị trấn Đô Lương, Lưu Sơn, Đà Sơn, Lạc Sơn, Tràng Sơn, Văn Sơn, Đông Sơn, Yên Sơn).

Nhà máy nước Hòa Sơn xây dựng năm 2020, nguồn nước sông Đào công suất 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, sẽ cấp nước sinh hoạt cho 17 xã, trong đó có 08 xã trong ranh giới nghiên cứu quy hoạch (Đà Sơn, Lạc Sơn, Văn Sơn, Yên Sơn,

Thịnh Sơn, Hòa Sơn, và phía Bắc sông Đào gồm một phần các xã Tràng Sơn, Đông Sơn, Yên Sơn, Văn Sơn).

Hiện trạng cấp nước công nghiệp: Cụm công nghiệp thị trấn Đô Lương khoảng 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm (nguồn nước nhà máy nước Đông Sơn và giếng khoan); CCN Lạc Sơn khoảng 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm (nguồn nước nhà máy nước Hòa Sơn và giếng khoan có bộ lọc).

*c) Hiện trạng hệ thống điện*

- Trạm biến áp 220 kV Đô Lương tại xã Xuân Sơn, huyện Đô Lương.

- Trạm 110KV Đô Lương, xã Yên Sơn, huyện Đô Lương có các ĐZ : 371E15.4 đi Tân kỳ do Điện lực Tân kỳ quản lý, 373E15.4 đi Anh Sơn do Điện lực Anh Sơn quản lý; Điện lực Đô Lương quản lý: ĐZ 374 E15.4, ĐZ 376E15.4, ĐZ 971E15.4, ĐZ 972E15.4; ĐZ 973E15.4, ĐZ 974E15.4. Điện lực Đô Lương quản lý các TBA phân phối: 296 TBA tổng công suất 80896Kva và 2TBA trung gian đã chiến gồm TBA trung gian Thượng Sơn có CS 4000 KVA, TBA trung gian Vĩnh Phú ( tại Nam sơn) có CS 3100KVA.

- Nguồn điện hiện trạng từ trạm trung gian khu vực 110KV, 35KV, 10KV-25.000KVA đồng thời có 3 đường dây cao thế chạy ngang qua khu quy hoạch:

+ Đường dây 110KV từ Vinh - Bản Lả đi qua Đô Lương.

+ Đường dây 376 là đường dây 35kV-AC70 từ trạm trung gian Đô Lương đi Cát Văn - Thanh Chương.

+ Đường dây thứ ba là đường dây 110kV, cũng xuất phát sau trạm trung gian Đô Lương, cung cấp điện cho các trạm biến áp trong khu vực.

Hệ thống chiếu sáng công cộng khoảng 50 km (do UBND huyện, UBND thị trấn, các xã và người dân đầu tư xây dựng).

Trạm biến áp: Hiện tại, trong khu vực quy hoạch có 81 trạm biến áp.

*d) Hiện trạng thu gom và xử lý chất thải*

Hiện có khu xử lý rác thải tập trung hơn diện tích 7,0 ha ở xã Hồng Sơn (theo Quy hoạch quản lý CTR cấp vùng huyện).

Rác thải trong khu vực quy hoạch đang được Hợp tác xã vệ sinh môi trường Thị trấn và Công ty môi trường đô thị tổ chức thu gom hàng ngày, vận chuyển và đổ ra bãi rác thải của toàn huyện. Riêng thị trấn, tỷ lệ rác thải được thu gom đạt gần 100% và xử lý hợp vệ sinh trên 70%.

Rác thải trong khu vực các xã cũng được thu gom, xử lý. Bệnh viện Đa khoa Đô Lương (Đà Sơn) có lò đốt rác tiêu chuẩn Việt Nam.

Khu vực đô thị Đô Lương có hệ thống cống hộp thoát nước thải chung với nước mưa; Các khu vực dân cư khác trong phạm vi quy hoạch chưa có hệ thống thoát nước thải tách riêng; Nước thải sinh hoạt được xử lý qua bể phốt, chưa đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi ra hệ thống chung.

Các khu vực nông thôn, nước mưa và nước thải sinh hoạt, được thải trực tiếp ra sông, hồ, kênh, mương hoặc tự thấm.

*e) Phân tích, đánh giá hiện trạng nghĩa trang, nghĩa địa*

Hiện tại, trong khu vực quy hoạch có khoảng 108 nghĩa trang, nghĩa địa nhỏ lẻ theo các cụm dân cư với tổng diện tích khoảng 84,15 ha.

Nhìn chung các nghĩa địa phân tán nằm rải rác ở các xã trong ranh giới quy hoạch, có khoảng cách ly hợp lý đối với khu dân cư, làng xóm không gây ảnh hưởng môi trường.

### **III. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG ĐÔ THỊ ĐỘ LƯƠNG THEO TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI IV**

#### **1. Cơ sở đánh giá phân loại đô thị**

\* *Căn cứ đánh giá, phân loại đô thị:* Trên cơ sở hiện trạng và các số liệu quản lý tính đến ngày 31/12/2020 UBND huyện đã chỉ đạo đánh giá và đối chiếu với các quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 để so sánh, đánh giá điểm theo 5 tiêu chí quy định đối với đô thị loại IV.

- Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội:

Vị trí, chức năng, vai trò là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh, cấp huyện về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, trung tâm hành chính cấp huyện, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện hoặc vùng liên huyện.

- Quy mô dân số toàn đô thị đạt từ 50.000 người trở lên; khu vực nội thị (nếu có) đạt từ 20.000 người trở lên.

- Mật độ dân số toàn đô thị đạt từ 1.200 người/km<sup>2</sup> trở lên; khu vực nội thị (nếu có) tính trên diện tích đất xây dựng đô thị đạt từ 6.000 người/km<sup>2</sup> trở lên.

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị đạt từ 55% trở lên; khu vực nội thị (nếu có) đạt từ 70% trở lên.

- Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị đạt các tiêu chuẩn quy định

\* *Phương pháp tính điểm:* Điểm số để đánh giá, phân loại đô thị được cụ thể hóa bằng 5 tiêu chí và 59 tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13. Các tiêu chuẩn nằm trong khoảng giữa của mức quy định tối đa - tối thiểu thì điểm số được tính theo phương pháp nội suy giữa điểm số tối đa và điểm số tối thiểu. Nếu các tiêu chí vượt quá mức quy định tối đa thì điểm số được tính bằng điểm số tối đa, nếu các tiêu chí không đạt mức quy định tối thiểu thì điểm số tính bằng 0 điểm. Khung điểm phân loại đô thị của các tiêu chí như sau:

- Tiêu chí về vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đô thị tối đa 20 điểm;

- Các tiêu chí về quy mô dân số, mật độ dân số, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của đô thị tối đa 20 điểm. Trong đó, tiêu chí về quy mô dân số tối đa đạt 8 điểm; mật độ dân số tối đa đạt 6 điểm; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp tối đa đạt 6 điểm;

- Tiêu chí về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị gồm hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường và kiến trúc, cảnh quan đô thị tối đa đạt 60 điểm.

## 2. Tổng hợp, đánh giá đô thị Đô Lương theo các tiêu chí đô thị loại IV

Qua việc rà soát, phân tích, đánh giá, tổng hợp hiện trạng Đô thị Đô Lương, huyện Đô Lương và đối chiếu với 5 tiêu chí và 59 tiêu chuẩn đô thị loại IV được quy định tại Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 về Phân loại đô thị, chấm điểm đô thị Đô Lương theo bảng tổng hợp sau:

**Bảng 1: Tổng hợp các tiêu chí phân loại đô thị**

TT	Tiêu chí	Thang điểm	Đạt
1	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội	15 - 20	17,25
2	Quy mô dân số	6 - 8	7,67
3	Mật độ dân số	4,5 - 6	4,69
4	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	4,5 - 6	4,50
5	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị	45 - 60	48,14
<b>Tổng cộng</b>		<b>75 - 100</b>	<b>82,25</b>

Qua đánh giá, hiện trạng về hạ tầng đô thị được chia làm ba nhóm tiêu chuẩn chính như sau:

- Nhóm tiêu chuẩn đã đạt bằng và vượt mức tối đa của tiêu chuẩn quy định: Có tổng số 34 tiêu chuẩn, bao gồm các tiêu chuẩn sau:

1. Cân đối thu chi ngân sách	19. Mật độ đường công thoát nước
2. Thu nhập bình quân đầu người	20. Tỷ lệ các khu vực đô thị có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng đô thị
3. Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	21. Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy
4. Tỷ lệ hộ nghèo	22. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom
5. Diện tích sàn nhà ở bình quân	23. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải
6. Tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố	
7. Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị;	
8. Đất xây dựng các công trình công cộng cấp đơn vị ở	



9. Cơ sở y tế cấp đô thị;	24. Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý tiêu hủy
10. Tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thị so với đất xây dựng đô thị	25. Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị
11. Mật độ đường giao thông có bề rộng phần xe chạy $\geq 7.5m$	26. Công trình kiến trúc tiêu biểu
12. Diện tích đất giao thông tính trên dân số khu vực nội thị	27. Trường học KV ngoại thị
13. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	28. Cơ sở vật chất văn hóa KV ngoại thị
14. Cấp điện sinh hoạt	29. Chợ nông thôn
15. Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt	30. Nhà ở dân cư KV ngoại thị
16. Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	31. Giao thông KV ngoại thị
17. Số thuê bao internet	32. Điện KV ngoại thị
18. Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động / dân số	33. Môi trường KV ngoại thị
	34. Quỹ đất nông nghiệp, vùng cảnh quan sinh thái được phục hồi, bảo vệ

- Nhóm tiêu chuẩn đạt tối thiểu và trên mức điểm tối thiểu nhưng chưa đạt điểm tối đa: Có tổng số 19 tiêu chuẩn, bao gồm các tiêu chuẩn sau:

1. Vị trí, chức năng, vai trò của đô thị	10. Đất dân dụng
2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	11. Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị
3. Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (bao gồm tăng tự nhiên và cơ học)	12. Công trình văn hóa cấp đô thị
4. Dân số toàn đô thị	13. Công trình thể dục thể thao cấp đô thị
5. Dân số khu vực nội thị	14. Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị
6. Mật độ dân số trung bình toàn đô thị	15. Đầu mối giao thông
7. Mật độ dân số khu vực nội thị	16. Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng
8. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị	17. Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng
9. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị	18. Đất cây xanh khu vực nội thị
	19. Số lượng không gian công cộng

- Nhóm tiêu chuẩn chưa đạt điểm (đạt 0 điểm): 06/59 tiêu chuẩn

1. Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật;
2. Nhà tang lễ;
3. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng
4. Đất cây xanh đô thị
5. Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị
6. Tỷ lệ tuyên phổ văn minh đô thị trên tổng số trục chính.

(Chi tiết có Phụ lục 01 Đánh giá thực trạng phát triển Đô thị Đô lương theo tiêu chí đô thị loại IV đính kèm theo)

#### IV. ĐÁNH GIÁ HUYỆN ĐÔ LƯƠNG THEO TIÊU CHUẨN THỊ XÃ

Đối chiếu tiêu chuẩn quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính thì đánh giá huyện Đô Lương so với tiêu chuẩn của thị xã như sau:

### 1. Tiêu chuẩn về quy mô dân số

Tính đến 31/12/2020, huyện Đô Lương có dân số thường trú là 229.275 người (*Nguồn Niên giám thống kê*).

Theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì tiêu chuẩn quy mô dân số của thị xã là 100.000 người trở lên.

Đánh giá: **Đạt** tiêu chuẩn quy định.

### 2. Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

Diện tích tự nhiên của huyện Đô Lương là 353,72 km<sup>2</sup> (*Nguồn Niên giám thống kê*)

Theo quy định tại khoản 2 điều 6 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 tiêu chuẩn diện tích: “Diện tích tự nhiên từ 200 km<sup>2</sup> trở lên”.

Đánh giá: **Đạt** tiêu chuẩn quy định.

### 3. Tiêu chuẩn về đơn vị hành chính trực thuộc

Huyện Đô Lương hiện trạng có 33 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 1 thị trấn và 32 xã: Giang Sơn Đông, Giang Sơn Tây, Lam Sơn, Bồi Sơn, Hồng Sơn, Bài Sơn, Ngọc Sơn, Bắc Sơn, Tràng Sơn, Thượng Sơn, Hòa Sơn, Đặng Sơn, Đông Sơn, Nam Sơn, Lưu Sơn, Yên Sơn, Văn Sơn, Đà Sơn, Lạc Sơn, Tân Sơn, Thái Sơn, Quang Sơn, Thịnh Sơn, Trung Sơn, Xuân Sơn, Minh Sơn, Thuận Sơn, Nhân Sơn, Hiến Sơn, Mỹ Sơn, Trù Sơn, Đại Sơn

Quy định tại khoản 3 điều 6 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và Phân loại đơn vị hành chính.

- *Điểm a: Số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc có từ hơn 10 đơn vị trực thuộc.*

Đánh giá: **Đạt** tiêu chuẩn quy định.

- *Điểm b: Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã từ 50% trở lên.*

Trên cơ sở quy hoạch chung đô thị Đô Lương đang trình Sở Xây dựng thẩm định, phạm vi nghiên cứu đô thị Đô Lương bao gồm địa giới hành chính của 14 đơn vị (01 thị trấn, 11 xã và một phần diện tích của 2 xã), tổng diện tích tự nhiên 7.930,0 ha. Trong Quy hoạch chung đô thị Đô Lương chia làm 12 vùng, dự kiến sẽ là 12 phường trong thị xã tương lai, diện tích trung bình mỗi phường khoảng (550-750)ha, đảm bảo theo quy định tại các Nghị quyết ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Số 1211/2016/UBTVQH13 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị.

Các xã còn lại (bao gồm 19 xã và một phần của 2 xã), huyện dự kiến trình sáp nhập thành 12 xã đảm bảo theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và Phân loại đơn vị hành chính.

Các nội dung này, sẽ được làm rõ trong Quy hoạch vùng huyện, Quy hoạch chung đô thị Đô Lương, Chương trình phát triển đô thị Đô Lương, Đề án công nhận đô thị Đô Lương đạt tiêu chí đô thị loại IV, Đề án thành lập thị xã Đô Lương.

Đánh giá: Hiện tại **Chưa đánh giá** tiêu chuẩn này.

#### **4. Tiêu chuẩn loại đô thị**

Đã được công nhận là đô thị loại III hoặc loại IV; hoặc khu vực dự kiến thành lập thị xã đã được phân loại đạt tiêu chí của đô thị loại III hoặc loại IV.

Hiện tại, Đô thị Đô Lương chưa được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV.  
Đánh giá: **Chưa đạt** tiêu chuẩn quy định.

#### **5. Tiêu chuẩn Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội**

Quy định tại phụ lục 1 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và Phân loại đơn vị hành chính.

##### **5.1. Cân đối thu chi ngân sách**

Tổng thu ngân sách Nhà nước năm 2020 đạt 1.629,64 tỷ đồng. Năm 2020, tổng chi ngân sách Nhà nước năm 2020 đạt 1.503,264 tỷ đồng (nguồn phòng TCKH).

Như vậy huyện Đô Lương đã cân đối được thu chi ngân sách (Dư).

Tiêu chuẩn đối với thị xã là cân đối thu chi (Đủ).

Đánh giá: **Đạt** tiêu chuẩn quy định.

##### **5.2. Thu nhập bình quân năm so với cả nước**

- Thu nhập bình quân đầu người của cả nước năm 2020 đạt 50,28 triệu đồng.

- Thu nhập bình quân đầu người huyện Đô Lương năm 2020 đạt 54,00 triệu đồng. (nguồn niên giám thống kê).

Thu nhập bình quân đầu người so với cả nước đạt:  $54,00/50,28 = 1,07$  lần.

Tiêu chuẩn thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước đối với thị xã bằng 0,7 lần.

Đánh giá: **Đạt** tiêu chuẩn quy định

##### **5.3. Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất (%)**

Mức tăng trưởng kinh tế của huyện Đô Lương năm 2018 đạt 11,84%, năm 2019 đạt 11,65% và năm 2020 đạt 8,46%. Mức tăng trưởng bình quân 3 năm đạt 10,65 %. (nguồn niên giám thống kê).

Mức tăng trưởng kinh tế của tỉnh Nghệ An năm 2018 đạt 8,73%, năm 2019 đạt 6,9% và năm 2020 đạt 4,71%. Mức tăng trưởng bình quân 3 năm đạt 6,78 %. (nguồn Sở LĐ&TBXH tỉnh Nghệ An).

Tiêu chuẩn của thị xã là đạt bình quân của tỉnh (mức tăng trưởng kinh tế bình quân 3 năm của huyện Đô Lương 10,65% cao hơn của tỉnh Nghệ An 6,78%).

Đánh giá: **Đạt** tiêu chuẩn quy định.

#### **5.4. Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (%)**

Tỷ lệ hộ nghèo 3 năm 2018, 2019 và 2020 của huyện Đô Lương lần lượt là 3,7%; 2,81% và 1,65% . Trung bình đạt 2,72 % (Nguồn Niên giám thống kê).

Tỷ lệ hộ nghèo 3 năm 2018, 2019 và 2020 tỉnh Nghệ An lần lượt là 5,54%; 4,0% và 3,0% . Trung bình đạt 4,18 % (nguồn Sở LĐ&TBXH tỉnh Nghệ An).

Tiêu chuẩn của thị xã là đạt bình quân của tỉnh Nghệ An (năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo của huyện Đô Lương 2,72% thấp hơn tỉnh Nghệ An 4,18%)

Đánh giá: **Đạt** tiêu chuẩn quy định.

#### **5.5. Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế**

Cơ cấu kinh tế toàn huyện Đô Lương năm 2020: Công nghiệp-Xây dựng chiếm 33,23%, Dịch vụ chiếm 48,87%, Nông Lâm nghiệp và Thủy sản chiếm 17,90%.

Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của huyện Đô Lương năm 2020 đạt 82,10%.

Tiêu chuẩn thị xã là 75%.

Đánh giá: **Đạt** tiêu chuẩn quy định.

#### **5.6. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị**

Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị đạt 75%

Tiêu chuẩn đối với thị xã là 75%. Đánh giá: Đạt tiêu chuẩn quy định.

**Như vậy**, đánh giá huyện Đô Lương theo tiêu chuẩn thị xã quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và Phân loại đơn vị hành chính. Trong 05 tiêu chuẩn có:

- 03 tiêu chuẩn đạt gồm: Quy mô dân số; Diện tích tự nhiên; Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội;

- 01 tiêu chuẩn chưa đạt là Tiêu chuẩn loại đô thị (chưa được công nhận đô thị loại IV);

- 01 tiêu chuẩn chưa thực hiện đánh giá được là tiêu chuẩn về đơn vị hành chính trực thuộc (Tiêu chuẩn này, sau khi được công nhận đô thị loại IV, khi lập Đề án thị xã đồng thời thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã để thành lập phường, xã).

**Bảng 2: Tổng hợp đánh giá huyện Đô Lương,  
tỉnh Nghệ An theo tiêu chuẩn thị xã**

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Mức quy định	Hiện trạng	
			Tiêu chuẩn	Hiện trạng	Đánh giá
I	<b>Quy mô dân số</b>	Người	≥100.000	229.275	Đạt
II	<b>Diện tích tự nhiên</b>	km <sup>2</sup>	200	353,72	Đạt
III	<b>Đơn vị hành chính trực thuộc</b>				
1	Số đơn vị hành chính cấp xã		10	33	Đạt
2	Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã	%	≥50	-	Chưa đánh giá
IV	<b>Đã được công nhận là đô thị loại III hoặc IV hoặc khu vực dự kiến thành lập thị xã đã được phân loại đạt tiêu chí của đô thị loại III hoặc loại IV</b>		III / IV	Chưa phân loại	Không Đạt
V	<b>Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội</b>				
1	Cân đối thu - chi ngân sách	Dư - Đủ	Đủ	Dư	Đạt
2	thu nhập bình quân đầu người so với cả nước	lần	0,7	1,07	Đạt
3	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	Đạt bình quân của tỉnh	6,78	10,65	Đạt
4	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất	Đạt bình quân của tỉnh	4,18	2,72	Đạt
5	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	%	≥ 75	82,10	Đạt
6	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thị	%	≥ 75	75	Đạt

**- Về đánh giá phát triển huyện Đô Lương thành thị xã theo hướng thương mại, dịch vụ**

Tuy thời gian qua có tốc độ phát triển ngành thương mại dịch vụ cao, cơ cấu kinh tế tỷ trọng ngành chiếm tỷ lệ lớn; tuy nhiên vẫn chưa phát triển tương xứng với vị trí, vai trò của huyện Đô Lương; còn thiếu các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng có sức bật, tạo đột phá trong phát triển kinh tế chưa được đầu tư xây dựng, như: Hệ thống hạ tầng giao thông kết nối giữa các tuyến quốc lộ quan trọng của tỉnh trên địa bàn huyện, tuyến nối kết nối các vùng trong huyện và các huyện lân cận; tuyến đường trục chính trong Khu quy hoạch chung đô thị Đô Lương, huyện Đô Lương; cơ sở hạ tầng thiết yếu, trọng điểm trên địa bàn huyện Đô Lương chưa được đầu tư.

### Phần thứ 3

## NỘI DUNG XÂY DỰNG ĐÔ THỊ TRUNG TÂM HUYỆN ĐÔ LƯƠNG ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI IV, LÀM TIỀN ĐỀ CHO HUYỆN ĐÔ LƯƠNG THÀNH THỊ XÃ TRƯỚC NĂM 2030

### I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

#### 1. Quan điểm

- Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; Quyết định 69/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX; Phù hợp với Chương trình phát triển đô thị Quốc gia, Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Nghệ An, Quy hoạch chung xây dựng đô thị Đô Lương và khả năng huy động nguồn lực tại địa phương;

- Sắp xếp, hình thành và phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ theo định hướng quy hoạch chung đô thị; Phối hợp lồng ghép có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, dự án đang thực hiện hoặc đã được phê duyệt liên quan đến phát triển đô thị. Các chương trình kế hoạch phát triển đô thị phải được tích hợp các yêu cầu về phát triển bền vững, phát triển đô thị xanh, tiết kiệm năng lượng, ứng phó với biến đổi khí hậu và có sự tham gia tích cực của mọi người dân.

#### 2. Mục tiêu

- Đánh giá hiện trạng đô thị Đô Lương theo các tiêu chí tiêu chuẩn của đô thị loại IV, làm cơ sở cho việc huy động nguồn lực, tập trung đầu tư xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo quy hoạch và có kế hoạch.

- Xây dựng Đô thị Đô Lương đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV.

- Làm tiền đề để huyện Đô Lương trở thành thị xã theo hướng thương mại, dịch vụ.

- Hoàn thiện, nâng cao các tiêu chuẩn của đô thị các giai đoạn tiếp theo.

### II. ĐỊNH HƯỚNG LỘ TRÌNH, KHU VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ ĐÔ LƯƠNG

#### 1. Định hướng lộ trình phát triển đô thị Đô Lương

- Xây dựng đô thị Đô Lương đạt tiêu chí đô thị loại IV trước năm 2025 và định hướng phát triển huyện Đô Lương trở thành thị xã trước năm 2030. Đô thị có cấu trúc đô thị phát triển bền vững, đạt hiệu quả trong sử dụng đất đai, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, đáp ứng các yêu cầu phát triển trong tương lai.

- Xây dựng đô thị Đô Lương có tổng thể không gian hài hòa với môi trường tự nhiên và các công trình kiến trúc văn hóa gắn với lịch sử, truyền thống Đô Lương. Khai thác hợp lý tiềm năng về phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, công nghiệp, nông lâm nghiệp.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc triển khai lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, lập các dự án đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch.

## **2. Định hướng khu vực phát triển đô thị Đô Lương**

Trên cơ sở Quy hoạch kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An; Quy hoạch hệ thống đô thị tỉnh Nghệ An; quy hoạch vùng tỉnh Nghệ An; Quy hoạch chung xây dựng đô thị Đô Lương; Khu vực phát triển đô thị được xác định là khu vực đầu tư xây dựng theo giai đoạn.

Khu vực phát triển định hướng thành 03 khu vực phát triển, chia làm 12 đơn vị hành chính (phường), có tính chất khác nhau, tạo nên sự đa dạng và sức hút đô thị khác nhau, cụ thể:

- *Khu vực phát triển I:* Khu vực có tính chất lịch sử, truyền thống, bao gồm toàn bộ thị trấn Đô Lương (hiện hữu), Đà Sơn, Lưu Sơn, Yên Sơn. Khu vực dự kiến chia làm 3 đơn vị hành chính (diện tích mỗi đơn vị trung bình khoảng 560ha).

- *Khu vực phát triển II:* Khu vực phát triển các khu đô thị mới về khu ở và dịch vụ thương mại, công nghiệp và xây dựng bao gồm các xã Tràng Sơn, Đông Sơn, Lạc Sơn, Văn Sơn, Thịnh Sơn. Khu vực dự kiến chia làm 5 đơn vị hành chính (diện tích mỗi đơn vị trung bình khoảng 650ha).

- *Khu vực phát triển III:* Khu vực phát triển đô thị mới có tính chất dịch vụ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, bao gồm các xã Nam Sơn, Bắc Sơn, Đặng Sơn, Bồi Sơn. Khu vực dự kiến chia làm 4 đơn vị hành chính (diện tích mỗi đơn vị trung bình khoảng 750ha).

*\* Đề xuất khu vực phát triển đô thị ưu tiên đầu tư:*

Đề xuất khu vực phát triển đô thị giai đoạn đầu là Khu vực phát triển I, II; trong đó trọng tâm phát triển thị trấn Đô Lương (hiện hữu) và một phần các xã Lưu Sơn, Tràng Sơn, Đông Sơn, Yên Sơn, Văn Sơn, Đà Sơn, Lạc Sơn tổng diện tích khoảng 1.300 ha.

## **III. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ ĐÔ LƯƠNG**

Căn cứ theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, định hướng và tổng hợp các tiêu chí từng giai đoạn phát triển đô thị Đô Lương theo tiêu chí đô thị loại IV, như sau:

**Bảng 3: Tổng hợp điểm các tiêu chí theo từng giai đoạn**

STT	Tiêu chí	Thang điểm	Hiện trạng 2020	Dự kiến giai đoạn 2021-2025	Dự kiến giai đoạn 2026-2030
1	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội	15 - 20	17,25	18,75	20
2	Quy mô dân số	6 - 8	7,67	8	8
3	Mật độ dân số	4,5 - 6	4,69	5	5,38
4	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	4,5 - 6	4,5	5,75	6
5	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị	45 - 60	48,14	55,00	57,00
<b>Tổng cộng</b>		<b>75 - 100</b>	<b>82,25</b>	<b>92,5</b>	<b>96,38</b>

(Chi tiết có Phụ lục 02 các chỉ tiêu phát triển Đô thị Đô Lương đính kèm theo)

#### **IV. ĐỊNH HƯỚNG HUYỆN ĐÔ LƯƠNG PHÁT TRIỂN THÀNH THỊ XÃ THEO HƯỚNG THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ**

Huyện Đô Lương hiện tại có 32 xã và 01 thị trấn, phạm vi quy hoạch chung xây dựng đô thị Đô Lương nằm trong địa giới hành chính của 13 xã và 01 thị trấn, dự kiến đô thị Đô Lương khi huyện Đô Lương trở thành thị xã sẽ chia làm 12 phường, 19 xã còn lại (vùng nằm ngoài đô thị Đô Lương) dự kiến sẽ chia thành 12 xã. Tổng cộng đơn vị hành chính cấp phường, xã khi huyện Đô Lương trở thành thị xã là 24 đơn vị hành chính, giảm được 09 đơn vị hành chính cấp xã.

Để thực hiện thành công mục tiêu xây dựng huyện Đô Lương trở thành thị xã theo hướng thương mại, dịch vụ, thì huyện Đô Lương cần có định hướng phát triển toàn diện trên mọi lĩnh vực về phát triển kinh tế - xã hội, trong đó thời gian tới cần tập trung định hướng phát triển mạnh mẽ cho thương mại, dịch vụ, khẳng định vai trò của thương mại, dịch vụ là một ngành kinh tế quan trọng của huyện, phấn đấu trở thành một trong những nơi phát triển về thương mại, dịch vụ của tỉnh. Định hướng về đón đầu phát triển lĩnh vực thương mại, dịch vụ là vùng tiếp giáp với các tuyến đường lớn, quan trọng như vùng tiếp giáp giữa QL.7 và QL.7C (đường N5), nhiệm vụ thực hiện:

- Phấn đấu huyện Đô Lương phát triển giai đoạn trung hạn đến năm 2025, tổng giá trị gia tăng ngành dịch vụ (theo giá cố định 2010) đạt 6.209,88 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng bình quân đạt khoảng 10,19%; ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng khoảng 51,0% trong tổng thể cơ cấu kinh tế của huyện. Đến năm 2030 tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ trên 54,0%, giảm tỷ trọng nông lâm nghiệp thủy sản dưới 13,0%.

- Tập trung phát triển các ngành dịch vụ lợi thế, như thương mại, du lịch, dịch vụ vận tải, ngân hàng (trong nhóm tập đầu của tỉnh, như ngân hàng nông nghiệp có tổng huy động vốn 3.275 tỷ đồng, tổng dư nợ 2.151 tỷ đồng), bưu chính viễn thông (tổng doanh thu hàng năm phân phát sinh 40.771 triệu đồng, tổng doanh thu tính lương 22.068 triệu đồng, năng suất lao động 190 triệu đồng/người/năm, với 43 điểm kinh doanh, phục vụ, 36 tuyến phát, 07 tuyến



đường thứ cấp 3) và các hình thức dịch vụ công cộng... Từng bước phát triển thành trung tâm dịch vụ, thương mại phía Tây tỉnh Nghệ An

- Tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng Thương mại ngày càng phát triển hiện đại, văn minh; thu hút các nhà đầu tư xây dựng các Siêu thị tổng hợp, Trung tâm Thương mại và hệ thống các nhà hàng thương mại kiêm khách sạn ở những khu vực theo quy hoạch chung của huyện. Đẩy mạnh việc xây dựng và hình thành các trung tâm cụm xã, các tụ điểm thương mại theo thị tứ và những nơi có điều kiện.

- Tiếp tục đưa vào hoạt động có hiệu quả dự án “Trung tâm Thương mại kết hợp chợ truyền thống Đô Lương” và Trung tâm Thương mại Lan Chi Đô Lương. Phát triển dự án “Trung tâm Thương mại kết hợp chợ truyền thống Đô Lương” thành chợ đầu mối lớn, là nơi trao đổi buôn bán hàng hóa cho các tiểu thương trong tỉnh và nhiều tỉnh thành trên địa bàn cả nước, xứng tầm là chợ văn minh, hiện đại đẹp nhất khu vực miền trung. Từng bước xây dựng và tổ chức lại các chợ nông thôn theo hướng thu gom đầu mối, thực hiện xã hội hóa trong đầu tư xây dựng chợ, chuyển đổi mô hình quản lý chợ sang hình thức Doanh nghiệp, HTX.

- Đầu tư, phát triển chợ Ú xã Đại Sơn (chợ trâu bò) xứng tầm là chợ đầu mối của khu vực.

- Tập trung thu hút đầu tư xây dựng các dự án về hạ tầng thương mại như: Xây dựng trung tâm hội nghị, khách sạn tại thị trấn Đô Lương (Nhà khách huyện ủy cũ) với tổng vốn đầu tư khoảng 80 tỷ đồng; xây dựng khu đô thị kết hợp thương mại dịch vụ tại thị trấn Đô Lương với tổng vốn đầu tư khoảng 300 tỷ đồng (đường từ cầu Ba ra đến Lưu Sơn); Thu hút đầu tư phát triển hạ tầng thương mại hai bên tuyến đường QL 7C (N5) trên địa bàn các xã, Hòa Sơn, Tân sơn, Thượng Sơn, Hiến Sơn, Đại Sơn;

- Phân đấu đến năm 2025 có từ 150- 200 cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini và 35-40 cửa hàng xăng dầu đạt tiêu chuẩn theo quy định, theo quy hoạch chung đô thị Đô Lương. Diện tích đất quy hoạch cho lĩnh vực thương mại, dịch vụ trên địa bàn khoảng 250ha.

- Thực hiện tốt chương trình mỗi xã một sản phẩm, phát triển các sản phẩm tiêu biểu của huyện đạt tiêu chuẩn OCOP 4 sao, 5 sao, thu hút đầu tư xây dựng hệ thống Vinmart, Vinmart<sup>+</sup>, nhà máy đông lạnh để có điều kiện mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư.

- Phát triển hệ thống dịch vụ vận tải, kho bãi trên địa bàn; cải tạo, phát huy hiệu quả hoạt động bến xe Đô Lương. Phát triển dịch vụ bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin, dịch vụ tài chính ngân hàng và các dịch vụ khác như dịch vụ tư vấn, dịch vụ đào tạo, dịch vụ y tế, kinh doanh tài sản, đầu tư, bảo hiểm...

- Tổ chức tín dụng ngân hàng: Tạo điều kiện phát triển mạnh các quỹ tín dụng nhân dân, các ngân hàng thương mại trên địa bàn để cung ứng nguồn vốn tín dụng cho nhân dân, đẩy mạnh dịch vụ.

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống điện trong đô thị và tại các xã đảm bảo an toàn, chất lượng và mỹ quan đô thị; thu hút các dự án đầu tư về năng lượng điện.

**Ngoài ra, tập trung phát triển các loại hình dịch vụ trong lĩnh vực văn hóa - du lịch, công nghiệp cụ thể:**

- Phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ nhân dân bao gồm Nhà văn hóa, khu vui chơi giải trí, các cơ sở thể dục, thể thao, thành lập các câu lạc bộ văn hóa, thể thao. Khuyến khích đầu tư vào các dịch vụ thể thao, văn hóa, vui chơi giải trí dành cho trẻ em (đảm bảo phù hợp với Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030 và thực tế của đô thị Đô Lương).

- Quy hoạch bố trí đất để đầu tư, xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở cho xã, phường, thị trấn và khối, xóm đạt chuẩn theo tiêu chí quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch khi sắp xếp, sáp nhập xã, thành lập phường trong quá trình xây dựng huyện Đô Lương trở thành thị xã Đô Lương (trong Quy hoạch chung xây dựng đô thị Đô Lương đã quy hoạch 1,6ha đất nhà văn hóa; 17,6ha đất xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao).

- Tập trung thu hút đầu tư dự án suối khoáng nóng Giang Sơn với diện tích khoảng 600 ha, tổng vốn đầu tư khoảng 2.000 tỷ đồng để phát triển ngành dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, tạo điểm nhấn quan trọng trong tuyến du lịch Vinh - Khu Di tích Kim Liên - Đô Lương - Cột mốc số 0 Tân Kỳ và Du lịch sinh thái cộng đồng Pù Mát.

- Tiếp tục quan tâm, tôn tạo các di tích, danh thắng để phát huy truyền thống văn hóa kết hợp với phục vụ du lịch tâm linh như: Khu di tích lịch sử quốc gia Trùng Bồn; di tích lịch sử quốc gia Đền Quả Sơn, Đập Bara Đô Lương; ... Trong đó, phối hợp với các sở, ngành liên quan đưa Lễ hội Đền Quả Sơn vào lễ hội cấp tỉnh. Xây dựng cơ sở hạ tầng dịch vụ đi kèm để khai thác các di tích, danh thắng, thu hút khách tham quan sử dụng.

- Hình thành chuỗi du lịch về văn hóa tâm linh, sinh thái, trải nghiệm nghỉ dưỡng tuyến ngược Sông Lam từ cầu bến thủy đi ngược lên cầu Ba ra, đến Quả Sơn, chùa Bà Bụt, nước khoáng nóng Giang Sơn, Trùng Bồn.

Bên cạnh đó chú trọng phát triển thêm văn hóa ẩm thực, xây dựng thương hiệu các sản phẩm tiêu biểu của huyện để phát triển dịch vụ du lịch; đẩy mạnh kết nối với các địa phương như Nam Đàn, Thành phố Vinh, Cửa Lò để xây dựng phát triển loại hình du lịch cuối tuần.

- Mở rộng Cụm công nghiệp Lạc Sơn và Thượng Sơn; tiếp tục quy hoạch, xây dựng thêm 02 Cụm công nghiệp tại xã Hòa Sơn và Đại Sơn, quy hoạch khu nông nghiệp áp dụng công nghệ cao tại xã Đặng Sơn, Bắc Sơn để thu hút doanh nghiệp lớn quan tâm, nghiên cứu đầu tư lĩnh vực công nghiệp phụ trợ, chế biến gỗ, sản xuất vật liệu xây dựng, dệt may cao cấp, các dự án nông nghiệp áp dụng

công nghệ cao có quy mô lớn, công nghệ hiện đại gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm, phát triển các dịch vụ giao thông, vận tải logistics,...

- Tăng cường tính liên kết giữa các Khu công nghiệp huyện Đô Lương với Khu công nghiệp các huyện Nghi Lộc, Nam Đàn, Tân Kỳ để phát triển Cụm công nghiệp theo mô hình Khu công nghiệp - Khu đô thị - Dịch vụ, tương hỗ, phụ thuộc nhau để tạo nên những sản phẩm công nghiệp hoàn chỉnh.

## **V. CÁC GIẢI PHÁP XÂY DỰNG ĐÔ THỊ TRUNG TÂM HUYỆN ĐÔ LƯƠNG ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI IV, LÀM TIỀN ĐỀ CHO HUYỆN ĐÔ LƯƠNG THÀNH THỊ XÃ TRƯỚC NĂM 2030**

### **1. Giải pháp chung**

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp, của hệ thống chính trị và sự tham gia tích cực của mọi người dân trong công tác xây dựng và phát triển đô thị Đô Lương đạt tiêu chí đô thị loại IV, là trung tâm kinh tế, văn hóa, quốc phòng an ninh liên huyện, liên vùng; trở thành thị xã theo hướng thương mại, dịch vụ. Làm đầu mối giao lưu với các vùng lân cận; bảo tồn di tích lịch sử và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của quê hương, đất nước;

- Hoàn thành quy hoạch vùng huyện; quy hoạch chung đô thị Đô Lương; Lập chương trình phát triển đô thị Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Lập Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, nông thôn cho các khu vực phát triển; Lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị theo đồ án quy hoạch chung và quy hoạch phân khu được duyệt; Lập Đề án đề nghị công nhận đô thị Đô Lương đạt tiêu chí đô thị loại IV; Huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng các công trình dự án để đạt huyện nông thôn mới. Đối với quy hoạch chung đô thị Đô Lương, việc quy hoạch phù hợp với xu hướng xây dựng đô thị thương mại, dịch vụ, tập trung thực hiện quy hoạch, xây dựng hạ tầng thương mại đồng bộ để trước năm 2030 Đô Lương trở thành thị xã theo hướng thương mại, dịch vụ.

- Hoàn thiện các tiêu chí của đô thị theo quy định, có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, kiến trúc đô thị hài hòa, phù hợp với quy hoạch chung xây dựng đô thị.

- Tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh, tập trung nguồn lực của huyện, xã và kêu gọi, thu hút các nguồn vốn xã hội hóa để đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khung, các dự án trọng điểm về công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch; trong đó phải xác định nguồn vốn chính, như kiến nghị cấp trên ban hành các cơ chế, chính sách riêng cho huyện Đô Lương triển khai thực hiện.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng để thu hút đầu tư dự án ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn.

- Tăng cường hợp tác quốc tế để thu hút đầu tư nước ngoài, kết nối, mở rộng môi trường phát triển sản xuất, tiêu thụ hàng hóa, tiếp cận công nghệ hiện đại với các thị trường, đối tác nước ngoài.

- Từng bước nâng cao mức sống và hưởng thụ của nhân dân, tỷ lệ hộ nghèo ngày càng giảm, nâng cao tay nghề cho lao động phi nông nghiệp, phát triển thương mại, dịch vụ, quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng và triển khai kêu gọi các dự án đầu tư để tiến tới thỏa mãn những nhu cầu về văn hóa, du lịch, dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe ngày càng cao cho người dân.

## **2. Các nhóm giải pháp cụ thể**

### **2.1. Nâng cao vai trò, trách nhiệm lãnh đạo của cấp ủy, điều hành của chính quyền và sự đồng thuận của người dân trong xây dựng phát triển đô thị, thị xã**

- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ ngang tầm nhiệm vụ; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; phát huy truyền thống văn hóa, tinh thần tiên phong, năng động, sáng tạo. Chú trọng làm tốt công tác tư tưởng, tạo sự đồng thuận trong hệ thống chính trị và toàn xã hội, huy động các nguồn lực xây dựng đô thị Đô Lương đạt đô thị loại IV trước năm 2025 và huyện Đô Lương trở thành thị xã trước năm 2030.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp theo hướng kiến tạo, phục vụ, đẩy mạnh cải cách hành chính.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia các chương trình kế hoạch phát triển đô thị, xây dựng thị xã.

### **2.2. Tập trung công tác quy hoạch, định hướng, chỉnh trang phát triển đô thị, xây dựng thị xã**

- Cụ thể hóa công tác quản lý và tổ chức thực hiện tốt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện đến năm 2025 và Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đô Lương đến năm 2040. Trong năm 2022-2025, tập trung ưu tiên triển khai các danh mục dự án hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo lộ trình đầu tư xây dựng các khu vực phát triển đô thị. Bằng các nguồn lực của Nhà nước và xã hội hóa kêu gọi đầu tư phát triển khu dân cư đô thị để tăng tỷ lệ dân số nội đô và phục vụ cho yêu cầu phát triển thương mại, dịch vụ.

- Phối hợp, thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển văn hóa, thể thao tích hợp vào quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện đảm bảo phù hợp với mục tiêu, định hướng xây dựng đô thị Đô Lương đạt tiêu chuẩn Đô thị loại IV, làm tiền đề để huyện Đô Lương trở thành thị xã theo hướng thương mại, dịch vụ, gồm:

+ Quy hoạch và quản lý quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở theo Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ đảm bảo phù hợp với thực tế sau sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã và sáp nhập xóm trên địa bàn đô thị Đô Lương. Thu hút các thành phần kinh tế đầu tư kinh doanh các dịch vụ văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí trong

các thiết chế văn hóa, thể thao đã được Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở vật chất- kỹ thuật; thiết chế văn hóa, thể thao.

+ Quy hoạch hệ thống di tích tỉnh Nghệ An đến năm 2030, định hướng đến 2050; Quy hoạch hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh Nghệ An giai đoạn 2014-2030 phê duyệt tại Quyết định số 7218/QĐ-UBND-ĐT ngày 23/12/2014 của UBND tỉnh Nghệ An; Quy hoạch, xây dựng Quảng trường huyện Đô Lương trong đó có Tượng đài Uy Minh Vương Lý Nhật Quang tại Khu Trung tâm mới đô thị Đô Lương, diện tích khoảng 7ha.

+ Quy hoạch hệ thống tuyên truyền, quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016-2025 phê duyệt tại Quyết định số 6544/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Nghệ An đảm bảo mỹ quan đô thị, văn minh, hiện đại, góp phần thúc đẩy phát kinh tế - xã hội của đô thị Đô Lương, tạo mối quan hệ hài hòa giữa phát triển kinh tế và giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc.

### ***2.3. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về phát triển đô thị, xây dựng thị xã***

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước toàn diện về đô thị, đảm bảo đô thị Đô Lương phát triển đồng bộ theo hướng văn minh, hiện đại. Đảm bảo vệ sinh môi trường, chống lấn chiếm vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ và đường thủy. Quản lý việc cấp phép xây dựng và xây dựng công trình trên địa bàn đúng quy định. Triển khai tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về các quy hoạch đô thị; quản lý quy hoạch, kiến trúc quy hoạch; cấm mốc quản lý quy hoạch. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong hoạt động quy hoạch đô thị, trật tự đô thị.

- Cùng với việc thực hiện quy hoạch đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, thương mại, dịch vụ, cần có giải pháp xây dựng nhân tố con người phát triển ngang tầm với mục tiêu đô thị hóa Đô Lương, trong đó chú trọng nâng cao thể chất, trí tuệ, đạo đức, nếp sống văn minh đô thị.

- Xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị, nâng cao trình độ dân trí, ý thức, trách nhiệm của người dân. Kết hợp hài hòa các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội và môi trường trong phát triển đô thị, bảo đảm tiêu chuẩn đô thị sinh thái, khu vực sinh thái “xanh, sạch, đẹp”, tạo lập nếp sống văn minh. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá, văn minh đô thị”, “Gia đình văn hóa”. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải; thu gom rác, tiến tới phân loại ngay tại nguồn và xử lý toàn bộ chất thải rắn phát sinh tại các khu vực. Đầu tư xây dựng, từng bước hiện đại hóa mạng lưới y tế làm tốt công tác y tế đô thị Đô Lương, trung tâm y tế huyện, khắc phục hiện tượng quá tải ở Bệnh viện tuyến huyện. Chính trang việc xây dựng cơ sở tôn giáo, nâng cấp tín ngưỡng dân gian, di tích văn hóa, cấp quốc gia, cấp tỉnh.

- Sau khi đồ án Quy hoạch chung đô thị Đô Lương được phê duyệt, triển khai xây dựng các phân khu để lập quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết.

- Tập trung triển khai trước các công tác lập quy hoạch phân khu các khu vực là các phường dự kiến hình thành, quy mô dự kiến mỗi phân khu khoảng 550 - 750ha để có cơ sở lập quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị và dự án đầu tư.

- Các phân khu dự kiến là khu chức năng như công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, quy mô dự kiến mỗi phân khu khoảng 200-300ha.

- Xây dựng Quy chế quản lý kiến trúc đô thị; quản lý các không gian công cộng của đô thị như khu hành chính tập trung, quảng trường, không gian cảnh quan 2 bên bờ sông Lam đảm bảo tính tự nhiên, không gian cảnh quan xung quanh các di tích cấp tỉnh và quốc gia theo luật di sản,...

- Xây dựng hệ thống công viên đô thị, cây xanh đường phố đảm bảo tính chất cây xanh đô thị, cải thiện môi trường sống.

- Sử dụng vật liệu xây dựng phù hợp, thân thiện môi trường.

- Làm tốt công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý, sửa chữa kịp thời những đoạn hư hỏng, sạt lở, làm tăng tuổi thọ của đường...

- Khai thác ứng dụng KHCN để thiết kế và xây dựng hệ thống chiếu sáng thông minh; Khuyến khích khai thác chiếu sáng tự nhiên cho nội thất công trình.

- Khai thác phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa gắn với các loại hình du lịch kết nối trên địa bàn như Truong Bồn, đền Quả Sơn - chùa Bà Bụt... Tôn tạo di tích Đài tưởng niệm khởi nghĩa Đô Lương; Khu hậu cứ Bạch Ngọc trong kháng chiến chống thực dân Pháp; bến phà Lưu Sơn - đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ chống Mỹ cứu nước và các di tích danh thắng khác của đô thị Đô Lương. Xây dựng không gian diễn xướng dân ca Ví Giặm trên bến dưới thuyền gắn với tổ chức lễ hội đền Quả Sơn thu hút khách du lịch.

#### **2.4. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế đô thị, thị xã**

Triển khai lập quy hoạch phân khu phát triển thương mại, dịch vụ để trở thành là trung tâm đầu mối kinh tế của huyện. Phát huy tiềm năng, thế mạnh về nông sản, thực phẩm, hàng hóa, cây ăn trái sẵn có tại địa bàn thị trấn, mở rộng thị trường, quảng bá thương hiệu. Tăng cường đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật kết nối với khu vực chế biến nông sản thực phẩm; công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; cơ khí và các làng nghề truyền thống; gắn với du lịch sinh thái đồng bộ. Hình thành chợ đầu mối về hàng hóa của Đô Lương và các huyện lân cận. Khuyến khích các loại hình kinh doanh tổng hợp như siêu thị, bách hóa tổng hợp, nhà hàng, khách sạn và các loại hình dịch vụ phục vụ cho nhu cầu người dân.

## **2.5. Hoàn thành kết cấu hạ tầng đô thị, thị xã theo tiêu chí**

Tăng cường quan tâm đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ, xây dựng kế hoạch cụ thể về lộ trình và triển khai có hiệu quả các giải pháp thực hiện đạt các tiêu chí đô thị loại IV, trở thành thị xã theo hướng thương mại, dịch vụ, nhất là các tiêu chí như: Tăng cường hạ tầng giao thông; xây dựng các công trình công cộng như quảng trường, công viên, nhà văn hóa, khu thể thao, trung tâm thương mại; các cơ sở giáo dục, đào tạo nghề; khu xử lý nước thải; thoát nước; nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt. Tập trung đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, cải tạo hoàn thiện hệ thống chiếu sáng công cộng khu vực nội thị, ngoại thị và các trục đường chính, các khu trung tâm các xã trên địa bàn. Chính trang đô thị hiện có và hình thành một số điểm nhấn trong phát triển đô thị, phát triển không gian kiến trúc xanh, nhà phố theo kiểu mẫu, thân thiện với môi trường để đô thị phát triển đa dạng tương xứng với chức năng là trung tâm kinh tế - văn hóa của vùng huyện.

### **2.5.1. Nhóm các dự án khắc phục các tiêu chí còn thiếu**

- Xử lý nước thải đô thị;
- Nhà tang lễ; sử dụng hình thức hỏa táng;
- Đất cây xanh đô thị;
- Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị;
- Xây dựng các tuyến phố văn minh đô thị.

*(Chi tiết có Phụ lục 03: Khắc phục các tiêu chí chưa đạt đính kèm theo)*

### **2.5.2. Nhóm các dự án khắc phục các tiêu chí còn yếu**

- Lập chương trình phát triển đô thị Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Lập Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, Thiết kế đô thị, nông thôn cho các khu vực phát triển; Lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị theo đồ án quy hoạch chung và quy hoạch phân khu được duyệt; Lập đề án đề nghị công nhận đô thị Đô Lương đạt tiêu chí đô thị loại IV, trở thành thị xã theo hướng thương mại, dịch vụ.

- Dự án xây dựng công viên, quảng trường, trung tâm văn hóa, tổ hợp thể thao trung tâm Đô Lương tại xã Yên Sơn;
- Xây dựng tổ hợp thương mại trung tâm Đô Lương tại xã Yên Sơn;

### **2.5.3. Danh mục dự án phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung**

#### **a) Hạ tầng giao thông đường bộ**

- Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ ngã tư cơ quan Huyện ủy đến QL.7C, huyện Đô Lương;

- Xây dựng cầu và đường trục chính đô thị nối từ QL.46B (Km58+400) thị trấn Đô Lương đến QL.7 (Km39+500) xã Nam Sơn, huyện Đô Lương.

- Xây dựng các tuyến đường trục chính trong Khu quy hoạch chung đô thị Đô Lương và các tuyến đường huyện trọng điểm trên địa bàn.

#### **b) Hạ tầng thoát nước, xử lý nước thải:**

Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải đô thị Đô Lương.

c) Hạ tầng công nghiệp:

- Mở rộng, hoàn thiện đồng bộ hạ tầng kỹ thuật CCN Thượng Sơn;
- Xây dựng hạ tầng, nâng cấp cụm công nghiệp Lạc Sơn.

d) Công trình văn hóa, cây xanh

- Xây dựng tổ hợp công viên cây xanh trung tâm thị trấn Đô Lương và Tượng đài Bình biển Đô Lương, huyện Đô Lương;
- Huy động nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình văn hóa xóm, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, tiến tới nông thôn mới kiểu mẫu.

e) Công trình Giáo dục và Đào tạo

- Xây dựng mới trường Trung học phổ thông Đô Lương 1;
- Xây dựng, nâng cấp các cơ sở giáo dục trên địa bàn đạt chuẩn mức độ 2.

f) Công trình thương mại, dịch vụ

- Đầu tư, phát triển chợ Ú xã Đại Sơn (chợ trâu bò).
- Xây dựng các dự án về hạ tầng thương mại như: Xây dựng trung tâm hội nghị, khách sạn tại thị trấn Đô Lương, xã Yên Sơn.
- Xây dựng khu đô thị kết hợp thương mại, dịch vụ tại thị trấn Đô Lương (cạnh đường từ cầu Ba ra đến Lưu Sơn), với diện tích khoảng 16ha.
- Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng thương mại hai bên tuyến QL.7C (N5) thuộc xã, Hòa Sơn, Tân sơn, Thượng Sơn, Hiến Sơn, Đại Sơn;
- Thu hút xây dựng dự án suối khoáng nóng Giang Sơn với diện tích khoảng 600 ha.
- Hình thành chuỗi du lịch về văn hóa tâm linh, sinh thái, trải nghiệm nghỉ dưỡng tuyến ngược Sông Lam từ cầu bến thủy đi ngược lên cầu Ba ra, đến Quả Sơn, chùa Bà Bụt, nước khoáng nóng Giang Sơn, Truông Bồn.
- Đầu tư, nâng cấp các chợ nông thôn trên địa bàn đạt tiêu chí chợ hạng 2.
- Quan tâm đầu tư hệ thống kho bãi, điểm kết nối cung cầu hàng hóa, giới thiệu sản phẩm của địa phương; phát triển hệ thống siêu thị, các cửa hàng tiện lợi phục vụ nhu cầu trao đổi hàng hóa.

## **2.6. Huy động mọi nguồn vốn, nguồn lực**

**2.6.1.** Huy động nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh, tập trung nguồn lực của huyện, xã và kêu gọi, thu hút các nguồn vốn xã hội hóa để đầu tư các kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khung, các dự án trọng điểm về công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch. Tại Thông báo số 470-TB/TU ngày 19/01/2022, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho Ban cán sự Đảng UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng một số cơ chế chính sách đặc thù để huyện Đô Lương triển khai thực hiện Đề án đúng mục tiêu, nhiệm vụ, lộ trình đã xác định, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định (*Dự kiến tại Phụ lục 04 kèm theo*).

**2.6.2.** UBND huyện Đô Lương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan nghiên cứu, xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù để tạo nguồn lực triển khai, thực hiện Đề án Xây dựng đô thị trung tâm huyện Đô



Lương đạt tiêu chí đô thị loại IV, làm tiền đề cho huyện Đô Lương thành thị xã trước năm 2030, trình các cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định.

**2.6.3.** Để tạo đòn bẩy thúc đẩy phát triển ngành thương mại, dịch vụ giai đoạn từ nay đến năm 2030, có cơ chế để thu hút nhà đầu tư xây dựng mới, nâng cấp các chợ, xây dựng các Trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi, công trình lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo. Khu du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái suối nước khoáng nóng Giang Sơn; Trung tâm văn hóa và tổ hợp thể thao huyện Đô Lương; Nhà máy nước tại xã Bắc Sơn; Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng CCN Lạc Sơn; Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng CCN Thượng Sơn; Khu nông nghiệp công nghệ cao ven sông Lam tại xã Đặng Sơn; Tượng đài đập Bara Đô Lương, ...

**2.6.4.** Đề nghị các Sở, ngành liên quan tạo điều kiện để UBND huyện Đô Lương:

- Tiếp cận các nguồn vốn khác để đầu tư xây dựng như nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại hoặc tín dụng ưu đãi (cho vay lãi suất thấp) của Chính phủ, cơ quan thuộc Liên hợp quốc, tổ chức phi Chính phủ, tổ chức tài chính quốc tế (IMF, WB, ADB).

- Thực hiện hợp tác quốc tế để thu hút đầu tư nước ngoài, kết nối, mở rộng môi trường phát triển sản xuất, tiêu thụ hàng hóa, tiếp cận công nghệ hiện đại với các thị trường, đối tác nước ngoài; thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số quốc gia, hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng các nền tảng số để chuyển đổi số, nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng các nền tảng số vào xúc tiến thương mại và quảng bá thương hiệu theo hướng kết hợp trực tiếp, trực tuyến giúp doanh nghiệp tiếp cận đối tác, thị trường xuất khẩu có hiệu quả.

## **2.7. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

- Về công tác đào tạo nghề

+ Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành về tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác đào tạo nghề.

+ Các cấp, các ngành phải xem nhiệm vụ đào tạo nghề là nhiệm vụ trọng tâm; xây dựng, lồng ghép vào chương trình công tác thuộc lĩnh vực ngành và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; là cơ sở để chỉ đạo triển khai thực hiện nhằm trang bị những kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, trình độ cho lao động nông thôn để tìm kiếm việc làm hoặc tự tạo việc làm ổn định, phù hợp với bản thân người lao động, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng thu nhập, nâng cao mức sống người dân.

+ Quan tâm đào tạo nghề và giải quyết việc làm theo Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 08/3/2021 của UBND huyện Đô Lương về đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2021-2025; quan tâm đối tượng nghèo và cận nghèo

để khuyến khích phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình, vươn lên thoát nghèo, không để tái nghèo khi áp dụng tiêu chí.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại các cơ sở dạy nghề để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Về giải quyết việc làm

+ Nắm bắt kịp thời thông tin thị trường lao động, thống kê nhu cầu học nghề, việc làm để phân loại làm cơ sở cung ứng lao động, tập trung đào tạo vào những ngành nghề sử dụng nhiều lao động; triển khai việc liên kết cung ứng lao động với Trung tâm Dịch vụ việc làm, các trường nghề trên địa bàn, các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng.

+ Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động nhằm tăng cường và thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về lao động, việc làm; tổ chức tốt các cuộc điều tra lao động, việc làm, phục vụ cho việc dự báo tình cung, cầu lao động đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; thực hiện tốt công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp, định hướng cho người lao động, nhất là lao động trẻ sớm học nghề nhằm tăng cơ hội tìm được việc làm phù hợp.

## **2.8. Tập trung thu hút các doanh nghiệp lớn vào đầu tư phát triển trên địa bàn**

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; rà soát, đơn giản hóa quy trình, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền bảo đảm thuận lợi nhất cho tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia đầu tư, kinh doanh trên địa bàn.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để bảo đảm tính công khai, minh bạch, giảm thời gian giải quyết vướng mắc cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động. Xây dựng hệ thống dữ liệu thông tin tích hợp, cập nhật đầy đủ, kịp thời các quy hoạch, cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư, các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, huyện.

- Đẩy nhanh tiến độ lập, phê duyệt và thực hiện có hiệu quả các quy hoạch, tạo nhiều quỹ đất sạch, xây dựng hạ tầng đồng bộ làm cơ sở để xúc tiến, thu hút đầu tư.

- Cung cấp thông tin về nhu cầu, định hướng thu hút đầu tư của huyện. Tổ chức các hoạt động vận động xúc tiến đầu tư; ưu tiên các dự án quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường. Tăng cường thu hút các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp lớn nghiên cứu, đầu tư, với phương châm "Doanh nghiệp là động lực phát triển"; tập trung vào các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ, xây dựng các nhà máy để thu hút lực lượng lao động.

## Phần thứ 4

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### 1. UBND huyện Đô Lương

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành liên quan để tham mưu UBND tỉnh trình BTV Tỉnh ủy, HĐND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù tạo nguồn lực để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án Xây dựng đô thị trung tâm huyện Đô Lương đạt tiêu chí đô thị loại IV, làm tiền đề cho huyện Đô Lương thành thị xã trước năm 2030.

- Xây dựng Chương trình phát triển đô thị để đầu tư xây dựng đô thị Đô Lương đạt tiêu chí đô thị loại IV và định hướng thành thị xã trong tương lai.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển đô thị, tổng hợp báo cáo tình hình triển khai thực hiện về Sở Xây dựng và UBND tỉnh.

- Chủ động tổ chức, rà soát, điều chỉnh, lập quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết các khu chức năng trong đô thị thuộc địa phương quản lý.

- Theo dõi giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư phát triển đô thị đảm bảo đúng theo quy hoạch, kế hoạch, tiến độ theo các nội dung dự án đã được phê duyệt; tổng, đề xuất và phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện đầu tư.

- Chủ trì, phối hợp cùng Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở ngành liên quan thực hiện quá trình phát triển Đô Lương.

#### 2. Sở Tài chính

Phối hợp với UBND huyện Đô Lương và các Sở, ban, ngành liên quan để tham mưu các cơ chế, chính sách đặc thù tạo nguồn lực để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án Xây dựng đô thị trung tâm huyện Đô Lương đạt tiêu chí đô thị loại IV, làm tiền đề cho huyện Đô Lương thành thị xã trước năm 2030.

#### 3. Sở Xây dựng

- Hướng dẫn UBND huyện Đô Lương hoàn thiện quy hoạch chung đô thị Đô Lương, lập Chương trình phát triển đô thị, Đề án công nhận đô thị loại IV, khảo sát, lựa chọn các địa điểm lập quy hoạch chia lô đất ở dân cư (để đấu giá) tạo nguồn lực xây dựng đô thị Đô Lương, trở thành thị xã.

- Theo dõi, đánh giá việc thực hiện Đề án xây dựng và phát triển đô thị Đô Lương đạt tiêu chí đô thị loại IV.

#### 4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với UBND huyện Đô Lương và các Sở, ban, ngành liên quan để vận động các nguồn vốn, hướng dẫn cơ chế ưu đãi khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng phát triển đô thị Đô Lương, trở thành thị xã theo các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

## **5. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Phối hợp với Sở Xây dựng và UBND huyện Đô Lương rà soát đánh giá hiệu quả sử dụng đất tại khu vực đô thị hiện hữu và các khu dự kiến phát triển đô thị; lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất 5 năm và hàng năm đảm bảo quỹ đất phát triển đô thị trình cấp có thẩm quyền quyết định.

## **6. Sở Giao thông vận tải**

Phối hợp Sở Xây dựng hướng dẫn UBND huyện Đô Lương thực hiện đầu tư phát triển hệ thống giao thông theo quy hoạch chung đô thị Đô Lương và quy hoạch xây dựng vùng huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

## **7. Sở Công Thương**

- Phối hợp với UBND huyện Đô Lương tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch xúc tiến thương mại, hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn huyện Đô Lương xây dựng và phát triển thương hiệu hàng Việt Nam.

- Phối hợp với UBND huyện Đô Lương nghiên cứu tham mưu các cơ chế, chính sách trong phạm vi quản lý của ngành để phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng thương mại bán buôn, bán lẻ, bao gồm: Các loại hình chợ, các trung tâm thương mại, hệ thống các siêu thị, hệ thống các cửa hàng, ... trên địa bàn huyện Đô Lương.

- Phối hợp với UBND huyện Đô Lương nghiên cứu quy hoạch để phát triển nguồn năng lượng theo hướng đồng bộ, hợp lý và đa dạng hóa các loại hình năng lượng; ưu tiên khai thác, sử dụng triệt để và hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch. Đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống truyền tải đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và cung cấp điện an toàn; xây dựng hệ thống lưới điện thông minh.

## **8. Sở Nội vụ**

Phối hợp với UBND huyện Đô Lương để thực hiện phương án sáp nhập, điều chỉnh, sắp xếp địa giới hành chính cấp xã, thành lập phường theo quy định khi huyện Đô Lương trở thành thị xã.

## **9. Các Sở, ngành liên quan**

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn chuyên môn, phối hợp UBND huyện Đô Lương nghiên cứu, tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách trong ngành, lĩnh vực quản lý để thực hiện nội dung Đề án được duyệt.

**Phụ lục 01**

**ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ ĐÔ LƯƠNG THEO TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI IV**

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định		Hiện trạng	
			Tiêu chuẩn	Thang điểm T.đa-t.thiểu	Tiêu chuẩn đạt	Điểm
TC1	<b>Vị trí, Chức năng, Vai trò, Cơ cấu và Trình độ phát triển kinh tế - xã hội</b>			<b>20-15</b>		<b>17,25</b>
1.1	Tiêu chuẩn vị trí, chức năng, vai trò			5-3,75		3,75
1	Vị trí, chức năng, vai trò của đô thị		<p>Là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng liên huyện.</p> <p>Là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm hành chính cấp huyện hoặc trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội</p>	5,0	<p>Là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng liên huyện.</p>	3,75
1.2	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội			15-11,25		
1	Cân đối thu chi ngân sách		Dư	2,0	Dư	2,00
			Đủ	1,50		
2	Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước	lần	$\geq 1.05$	3,0	1,07	3,00
			0,7	2,25		

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định		Hiện trạng	
			Tiêu chuẩn	Thang điểm T.đạt-t.thiếu	Tiêu chuẩn đạt	Điểm
3	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế*		Tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra	3,0	Chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng hoặc dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra	2,25
			Chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng hoặc dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra	2,25		
4	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	%	$\geq 6$	2,0	10,29	2,00
			5,5	1,50		
5	Tỷ lệ hộ nghèo	%	$\leq 7,0$	2,0	1,65	2,00
			9	1,50		
6	Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (bao gồm tăng tự nhiên và cơ học)	%	$\geq 1.4$	3,0	1,00	2,25
			1	2,25		
<b>TC2</b>	<b>Quy mô dân số</b>			<b>8-6</b>		<b>7,67</b>
1	Dân số toàn đô thị (1.000 người)	1000 người	$\geq 100$	2,0	99,26	1,99
			50	1,50		
2	Dân số khu vực nội thành, nội thị (thuộc thành phố, thị xã) hoặc dân số khóm, khu phố (thuộc thị trấn) (1.000 người)	1000 người	$\geq 50$	6,0	43,68	5,68
			20	4,50		
<b>TC3</b>	<b>Mật độ dân số</b>			<b>6-4,5</b>		<b>4,69</b>
1	Mật độ dân số trung bình toàn đô thị	người/km <sup>2</sup>	$\geq 1400$	1,5	1.252	1,13
			1200	1,0		

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định		Hiện trạng	
			Tiêu chuẩn	Thang điểm T.đạ-t.thiểu	Tiêu chuẩn đạt	Điểm
2	Mật độ dân số khu vực nội thành, nội thị tính trên diện tích đất xây dựng đô thị (đối với thành phố loại đặc biệt, I, II, III; thị xã loại III, IV); mật độ dân số trên diện tích đất xây dựng (đối với thị trấn loại IV hoặc loại V)	người/km <sup>2</sup>	≥ 6000	4,5	4.122	3,56
			4000	3,5		
<b>TC4</b>	<b>Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp</b>			<b>6-4,5</b>		<b>4,50</b>
1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	≥ 65	1,5	55,00	1,00
			55	1,0		
2	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị	%	≥ 80	4,5	70,00	3,50
			70	3,5		
<b>TC5</b>	<b>Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị</b>			<b>60-45</b>		<b>48,14</b>
<b>Bảng 5.A - Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực nội thành, nội thị</b>				<b>48-36</b>		<b>36,14</b>
<b>I: Nhóm các tiêu chuẩn về hệ thống công trình hạ tầng xã hội</b>				<b>10-7,5</b>		<b>9,14</b>
<b>I.1</b>	<b>Các tiêu chuẩn về nhà ở</b>			<b>2-1,5</b>		<b>2,00</b>
1	Diện tích sàn nhà ở bình quân	m <sup>2</sup> sàn/người	≥ 29	1,0	29,00	1,00
			26,5	0,75		
2	Tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố	%	≥ 90	1,0	100	1,00
			85	0,75		
<b>I.2</b>	<b>Các tiêu chuẩn về công trình công cộng</b>			<b>8-6</b>		<b>7,14</b>
1	Đất dân dụng (Nếu vượt mức tối đa thì đánh giá đạt 0,75 điểm)	m <sup>2</sup> /người	78,0	1,0	185,12	0,75
			61,0	0,75		

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định		Hiện trạng	
			Tiêu chuẩn	Thang điểm T.đạt-t.thiếu	Tiêu chuẩn đạt	Điểm
2	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị	m2/người	≥ 4	1,0	4,32	1,00
			3	0,75		
3	Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở	m2/người	≥ 1.5	1,0	4,99	1,00
			1,0	0,75		
4	Cơ sở y tế	giường/1.000 dân	≥ 2.8	1,0	3,15	1,00
			2,4	0,75		
5	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị	cơ sở	≥ 4	1,0	3,00	0,88
			2	0,75		
6	Công trình văn hóa cấp đô thị	công trình	≥ 4	1,0	3,00	0,88
			2	0,75		
7	Công trình thể dục thể thao cấp đô thị	công trình	≥ 3	1,0	2,00	0,75
			2	0,75		
8	Công trình thương mại- dịch vụ cấp đô thị	công trình	≥ 4	1,0	3,00	0,88
			2	0,75		
<b>II: Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật</b>				<b>14-10,5</b>		<b>13,00</b>
<b>II.1</b>	<b>Các tiêu chuẩn về giao thông</b>			<b>6-4,5</b>		<b>5,50</b>
1	Đầu mối giao thông (cảng hàng không- sân bay, ga đường sắt, cảng, đường thủy, bến xe khách)	cấp	Tỉnh	2,0	Vùng liên huyện	1,50
			Vùng liên huyện	1,50		
2	Tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thành, nội thị so với đất xây dựng trong khu vực nội thành, nội thị	%	≥ 17	1,0	30,01	1,00
			12	0,75		



TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định		Hiện trạng	
			Tiêu chuẩn	Thang điểm T.đạt-t.thiếu	Tiêu chuẩn đạt	Điểm
3	Mật độ đường trong khu vực nội thành, nội thị (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy $\geq 7,5\text{m}$ )	km/km <sup>2</sup>	$\geq 8$	1,0	9,13	1,00
			6	0,75		
4	Diện tích đất giao thông tính trên dân số khu vực nội thành, nội thị	m <sup>2</sup> /người	$\geq 9$	1,0	72,80	1,00
			7	0,75		
5	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	%	$\geq 5$	1,0	5,0	1,00
			3	0,75		
<b>II.2</b>	<b>Các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng</b>			<b>3-2,25</b>		<b>2,50</b>
1	Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt	kwh/người/năm	$\geq 500$	1,0	760,34	1,00
			350	0,75		
2	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	$\geq 95$	1,0	90,00	0,75
			90	0,75		
3	Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng	%	$\geq 70$	1,0	50,00	0,75
			50	0,75		
<b>II.3</b>	<b>Các tiêu chuẩn về cấp nước</b>			<b>3-2,25</b>		<b>3,00</b>
1	Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt	lít/người/ngđ	$\geq 120$	1,0	148,8	1,00
			100	0,75		
2	Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	$\geq 95$	2,0	95,00	2,00
			90	1,50		

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định		Hiện trạng	
			Tiêu chuẩn	Thang điểm T.đạt-t.thiếu	Tiêu chuẩn đạt	Điểm
<b>II.4</b>	<b>Các tiêu chuẩn hệ thống bưu chính viễn thông</b>			<b>3-2,25</b>		<b>2,00</b>
1	Số thuê bao internet( băng rộng cố định và băng rộng di động)	Số tb internet/100 dân	≥ 20	1,0	65	1,00
			15	0,75		
2	Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động/dân số	%	≥ 95	1,0	98	1,00
			90	0,75		
<b>III. Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường đô thị</b>				<b>14-10,5</b>		<b>8,50</b>
<b>III.1</b>	<b>Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng</b>			<b>3-2,25</b>		<b>3,00</b>
1	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km2	≥ 3.5	2,0	4,56	2,00
			3,0	1,50		
2	Tỷ lệ các khu vực đô thị có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng đô thị	%	Đang triển khai thực hiện	1,0	Đang triển khai thực hiện	1,00
			Có giải pháp	0,75		
<b>III.2</b>	<b>Các tiêu chuẩn về thu gom. xử lý nước thải. chất thải</b>			<b>5-3,75</b>		<b>4,00</b>
1	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy	%	≥ 85	1,0	100	1,00
			70	0,75		
2	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 25	1,0		0,00
			15	0,75		
3	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	1,0	90,00	1,00
			70	0,75		

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định		Hiện trạng	
			Tiêu chuẩn	Thang điểm T.đạt-t.thiếu	Tiêu chuẩn đạt	Điểm
4	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải	%	≥ 70	1,0	100,00	1,00
			65	0,75		
5	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy	%	≥ 95	1,0	100	1,00
			90	0,75		
<b>III.3</b>	<b>Các tiêu chuẩn về Nhà tang lễ</b>			<b>2-1,5</b>		<b>0,00</b>
1	Nhà tang lễ	Số nhà	≥ 1	1,0	0	0,00
			Có dự án	0,75		
2	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%	≥ 10	1,0	2,47	0,00
			5	0,75		
<b>III.4</b>	<b>Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị</b>			<b>4-3</b>		<b>1,50</b>
1	Đất cây xanh đô thị	m2/người	≥ 7	2,0		0,00
			5	1,50		
2	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành, nội thị	m2/người	≥ 5	2,0	4,00	1,50
			4	1,50		
<b>IV. Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị</b>				<b>10-7,5</b>		<b>5,50</b>
IV.1	Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị	Quy chế	Đã có quy chế được ban hành được tối thiểu 2 năm, thực hiện tốt quy chế	2,0	0	0,00
			Đã có quy chế	1,50		
IV.2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị/ tổng số trục phố chính	%	≥ 40	2,0	0	0,00
			30	1,50		

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định		Hiện trạng	
			Tiêu chuẩn	Thang điểm T.đạt-t.thiếu	Tiêu chuẩn đạt	Điểm
IV.3	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị	Dự án	1	2,0	2,0	2,00
			Có dự án	1,50		
IV.4	Số lượng không gian công cộng của đô thị	Khu	$\geq 4$	2,0	2	1,50
			2	1,50		
IV.5	Công trình kiến trúc tiêu biểu	Cấp	Có công trình cấp Quốc gia	2,0	Có công trình cấp Quốc gia	2,00
			Có công trình cấp tỉnh	1,50		
<b>Bảng 5.B - Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực ngoại thành, ngoại thị</b>				<b>12-9</b>		<b>12,00</b>
<b>I. Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội</b>				<b>4-3</b>		<b>4,00</b>
1	Trường học	%	$\geq 35$	1,0	100	1,00
			30	0,75		
2	Cơ sở vật chất văn hóa	%	$\geq 30$	1,0	100	1,00
			25	0,75		
3	Chợ nông thôn	%	$\geq 50$	1,0	100	1,00
			40	0,75		
4	Nhà ở dân cư	%	$\geq 50$	1,0	100	1,00
			40	0,75		
<b>II. Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật</b>				<b>4-3</b>		<b>4,00</b>
1	Giao thông	%	$\geq 30$	3,0	100	3,00
			20	2,25		
2	Điện	%	$\geq 75$	1,0	100	1,00
			65	0,75		

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định		Hiện trạng		
			Tiêu chuẩn	Thang điểm T.đạt-t.thiếu	Tiêu chuẩn đạt	Điểm	
<b>III.Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường</b>					<b>2-1,5</b>		<b>2,00</b>
1	Môi trường	%	$\geq 30$	2,0	100	2,00	
			20	1,50			
<b>IV.Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan</b>					<b>2-1,5</b>		<b>2,00</b>
1	Quỹ đất phát triển nông nghiệp, vùng cảnh quan sinh thái được phục hồi, bảo vệ	%	$\geq 60$	2,0	100	2,00	
			50	1,50			
<b>Tổng cộng theo bảng điểm</b>						<b>82,25</b>	

**Phụ lục 02**  
**CÁC CHỈ TIÊU VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ ĐỘ LƯƠNG**

**1. Các chỉ tiêu và giải pháp đề xuất cho khu vực đô thị**

**a) Nhóm giải pháp về vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội**

**a1) Về Vị trí, chức năng, vai trò đô thị**

YẾU TỐ ĐÁNH GIÁ	Tiêu chuẩn theo NQ 1210	Hiện trạng 2020			Chương trình phát triển giai đoạn 2021- 2025		Chương trình phát triển đến giai đoạn 2026 - 2030	
		Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV			Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV		Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV	
CÁC TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ	Đô thị loại IV	Thang điểm quy định	Hiện trạng đô thị Đô Lương	thang điểm đạt theo đô thị loại IV	Định hướng	Số điểm	Định hướng	Số điểm
					2025 đạt	đạt	2030 đạt	đạt
1.1	quy mô dân số	3,75 - 5,0	Là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm hành chính cấp huyện hoặc trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng liên huyện.	3,75	Là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm hành chính cấp huyện hoặc trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội	3,75	Là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng liên huyện.	5,0

a2) Về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

YẾU TỐ ĐÁNH GIÁ	Tiêu chuẩn theo NQ 1210	Hiện trạng 2020			Chương trình phát triển (giai đoạn 2021-2025)		Chương trình phát triển đến (giai đoạn 2026 - 2030)		
		Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV			Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV		Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV		
CÁC TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ	Đô thị loại IV	Thang điểm quy định	Hiện trạng đô thị Đô Lương	Điểm đạt (loại IV)	Định hướng	Số điểm	Định hướng	Số điểm đạt	
					2025 đạt	đạt	2030 đạt		
1,2	Nhóm tiêu chuẩn cơ cấu trình độ phát triển kinh tế xã hội	11,25 - 15	1. Cân đối thu chi ngân sách (cân đối dư)	1. Cân đối dư	2	1. Cân đối dư	2	1. Cân đối dư	2
			Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước (0,7 đến 1,05 lần)	2. 1,09 lần so với cả nước	3	2. 1,2 lần so với cả nước	3	2. 1,5 lần so với cả nước	3
			3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	3. Chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng hoặc dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra	2,25	3. Tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra	3	3. Tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra	3
			4. Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất (5,5 đến 6%)	4. Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất 10.29%	2	4. Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất hơn 10%	2	4. Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất 15-15%	2

YẾU TỐ ĐÁNH GIÁ	Tiêu chuẩn theo NQ 1210	Hiện trạng 2020			Chương trình phát triển (giai đoạn 2021-2025)		Chương trình phát triển đến (giai đoạn 2026 - 2030)	
		Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV			Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV		Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV	
	5. Tỷ lệ hộ nghèo (7,0 đến 9,0%)		5. tỷ lệ hộ nghèo 1,65%	2	5. Tỷ lệ hộ nghèo 1,0%	2	5. tỷ lệ hộ nghèo dưới 1,0%	2
	6. Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (1,0 đến 1,4%)		6. tỷ lệ tăng dân số hàng năm (1% -tăng chung)	2,25	6. Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (1,4% -tăng chung)	3	6. tỷ lệ tăng dân số hàng năm (1,6% -tăng chung)	3
			Tổng số điểm đạt	13,5	Tổng số điểm đạt	15	Tổng số điểm đạt	15
<b>Định hướng giải pháp</b>	<b>Nội dung công việc</b>							
Gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp, thương mại dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp	1. Thực hiện các dự án đã định hướng trong ĐC QHC đô thị Đô Lương để phù hợp với tình hình mới.							
Thực hiện tốt chính sách xoá đói giảm nghèo theo tiêu chuẩn nghèo đa chiều	2. Thực hiện đầy đủ các cơ chế chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo. Phấn đấu đến năm 2025 không còn hộ gia đình chính sách, có công thuộc diện hộ nghèo.							
Hình thành nền sản xuất công nghiệp trọng điểm của tỉnh, thu hút dân cư và lao động cơ học đến sinh sống và làm việc tại các KCN trên địa bàn.	3. Đầu tư xây dựng cụm công nghiệp Thượng Sơn; Mở rộng và nâng cấp cụm công nghiệp Lạc Sơn; 4. Chú trọng hợp tác và phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức đào tạo lao động ngắn hạn và dài hạn theo nhu cầu và đơn đặt hàng của doanh nghiệp. 5. Đẩy mạnh loại hình thương mại dịch vụ bán lẻ và TMDV đầu mối, chuyển đổi cơ cấu lao động, gia tăng thu nhập bình quân đầu người lên mức 1,2 lần so với cả nước vào năm 2030							



**b) Nhóm giải pháp về quy mô dân số**

**b1) Quy mô dân số đô thị**

YẾU TỐ ĐÁNH GIÁ		Tiêu chuẩn theo NQ 1210	Tiêu chuẩn yêu cầu (nghìn người)	Hiện trạng 2020			Chương trình phát triển giai đoạn 2021-2025		Chương trình phát triển đến giai đoạn 2026 - 2030	
				Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV			Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV		Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV	
CÁC TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI		Đô thị loại IV	Thang điểm quy định	Hiện trạng đô thị Đô Lương	thang điểm đạt theo đô thị loại IV	Định hướng 2025 đạt	Số điểm đạt	Định hướng 2030 đạt	Số điểm đạt	
ĐÔ THỊ										
2	quy mô dân số	1. Dân số toàn đô thị	50-100	6,0 - 8,0	99.259	1,99	110000	2.00	120000	2.00
		2. Dân số khu vực nội thị	20-50		43.681	5,68	50000	6.00	80000	6.00
				Tổng điểm	7.41	Tổng điểm	8.00	Tổng điểm	8.00	
<b>Định hướng giải pháp</b>		<b>Nội dung công việc</b>								
Thu hút dân cư cơ học về sinh sống và làm việc tại đô thị		1. Phát triển các dự án dân cư mới tại khu vực nội thị hiện nay, xây dựng hệ thống HTKT đồng bộ tại các dự án này, bao gồm hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hệ thống Hạ tầng xã hội, đặc biệt chú trọng đến hệ thống HTXH cấp đơn vị ở như Trường Mầm Non, trường Tiểu Học, công viên nhóm nhà ở.								
Xây dựng các khu vực định cư theo hướng phát triển nén tại khu vực trung tâm hiện hữu		2. Lấp đầy các khu vực hiện hữu, chuyển mục đích sử dụng đất đồng bộ trong toàn khu vực quy hoạch chức năng. Kinh phí thu được từ chuyển mục đích sử dụng đất ( hoặc chuyển đổi các lô đất xen kẹt sang đất ở trong khu ở hiện hữu) được tái đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tại chỗ.								
Phát triển các khu cư trú mới theo hình thức tiết kiệm quỹ đất, giảm diện tích xây dựng đô thị, tăng mật độ xây dựng,		3. Đề xuất loại hình ở hiện đại và tăng tầng cao xây dựng tại các khu dân cư và các khu phát triển đô thị								

b2) Mật độ dân số đô thị

YẾU TỐ ĐÁNH GIÁ		Tiêu chuẩn theo NQ 1210	Tiêu chuẩn yêu cầu (Nghìn người)	Hiện trạng 2020			Chương trình phát triển đến năm 2025		Chương trình phát triển đến giai đoạn 2026 - 2030	
				Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV			Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV		Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV	
CÁC TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ		Đô thị loại IV		Thang điểm quy định	Hiện trạng đô thị Đô Lương	thang điểm đạt theo đô thị loại IV	Định hướng	Số điểm	Định hướng	Số điểm
							2025 đạt	đạt	2030 đạt	đạt
3	Mật độ dân số	1. Mật độ Dân số toàn đô thị (người/km <sup>2</sup> )	1200-1400	4.5 - 6.0	1252	1,13	1300	1,25	1350	1,38
		2. Mật độ dân số khu vực nội thị (tính trên diện tích đất xây dựng đô thị)	4000-6000		4122	3,56	4500	3,75	6000	4
					Tổng điểm	4,69	Tổng điểm	5	Tổng điểm	5,38
<b>Định hướng giải pháp</b>		<b>Nội dung công việc</b>								
Thu hút dân cư cơ học về sinh sống và làm việc tại đô thị		1. Đầu tư xây dựng các khu dân cư mới trong khu vực nội thị hiện nay, gia tăng mật độ dân số cho các khu vực phường mới thành lập.								
Phát triển dân cư theo tiêu chí lấp đầy khu vực phát triển hiện hữu theo quy hoạch chung, khai thác triệt để quỹ đất hiện có trong khu vực nội thị theo đúng chức năng của đồ án quy hoạch		2. Phát triển hệ thống HTKT và HTXH đồng bộ và hiệu quả, nâng cao chất lượng và tăng suất sử dụng hệ thống HTXH								
		3. Thu hút dân cư bằng cách tạo thêm nhiều việc làm và từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống tại đô thị.								
kêu gọi đầu tư xây dựng các dự án nhà ở dân cư đô thị, có giải pháp lựa chọn những nhà đầu tư có năng lực tốt.		4. Thu hút cơ học về sinh sống và làm việc tại đô thị Đô Lương								

**c) Nhóm giải pháp về tỷ lệ lao động**

YẾU TỐ ĐÁNH GIÁ		Tiêu chuẩn theo NQ 1210	Tiêu chuẩn yêu cầu (%)	Hiện trạng 2019			Chương trình phát triển Giai đoạn 2021-2025		Chương trình phát triển giai đoạn 2026 - 2030	
				Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV			Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV		Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV	
CÁC TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ		Đô thị loại IV		Thang điểm quy định	Hiện trạng đô thị Đô Lương	thang điểm đạt theo đô thị loại IV	Định hướng 2025 đạt	Số điểm đạt	Định hướng 2030 đạt	Số điểm đạt
4	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	1. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị (%)		55-65	4.5 - 6.0	55	1,0	60.,00	1,25	75,00
		2. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị (%)	70-80	70		3,5	80	4,50	90,00	4,50
					Tổng điểm	4,50	Tổng điểm	5,75	Tổng điểm	6,00
<b>Định hướng giải pháp</b>		<b>Nội dung công việc</b>								
Nâng cấp, mở rộng và xây mới các cụm công nghiệp trên địa bàn, tăng tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp		1. Hình thành các trục phố thương mại trong đô thị bao gồm các trục chỉnh trang và trục xây dựng mới.								
		2. Phát triển cụm công nghiệp Hòa Sơn và Mở rộng, nâng cấp cụm công nghiệp Lạc Sơn								
		3. Xúc tiến đầu tư, tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm tiêu thụ công nghiệp và thủ công mỹ nghệ song song với nâng cao chất lượng sản phẩm, tay nghề lao động và tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo								
Bảo tồn quỹ đất trồng lúa, cơ giới hoá ruộng đồng		4. Cơ giới hoá ruộng đồng theo đề án tái cơ cấu nông nghiệp, dần điền đổi thửa, hình thành các cánh đồng mẫu lớn, chuyển đổi nền sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hoá.								
phát triển loại hình dịch vụ thương mại kết hợp với trưng bày và giới thiệu sản phẩm		5. Hình thành các trung tâm hàng hoá thủ công mỹ nghệ tại địa phương, góp phần tăng tỷ lệ lao động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ.								

d) Nhóm giải pháp về phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị

d1) Về hạ tầng xã hội

YẾU TỐ ĐÁNH GIÁ			Tiêu chuẩn theo NQ 1210	Tiêu chuẩn yêu cầu	Hiện trạng 2020			Chương trình phát triển giai đoạn 2021-2026		Chương trình phát triển đến năm 2026 - 2030	
					Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV			Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV		Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV	
CÁC TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ			Đô thị loại IV		Thang điểm quy định	Hiện trạng đô thị Đô Lương	thang điểm hiện đạt theo đô thị loại IV	Định hướng	Số điểm	Định hướng	Số điểm
								2025 đạt	đạt	2030 đạt	đạt
5A	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị	Nhóm tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội	1. Diện tích sàn nhà ở bình quân (m <sup>2</sup> sàn/người)	26.5 - 29	0.75 - 1.0	29	1	29	1,00	29	1,00
			2. Tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố (%)	85-90	0.75 - 1.0	97,76	1	100.00	1,00	100.00	1,00
			3. Đất dân dụng (m <sup>2</sup> /người)	61 - 78	0.75 - 1.0	185,12	0,75	78.00	1,00	78.00	1,00
			4. Đất xây dựng các công trình công cộng đô thị (m <sup>2</sup> /người)	3 - 4	0.75 - 1.0	4,32	1	5	1,00	5,5	1,00

			5. Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở (m <sup>2</sup> /người)	1.0 - 1.5	0.75 - 1.0	4,99	1	5	1,00	5,5	1,00
			6. Cơ sở y tế cấp đô thị (giường/1000 dân)	2.4 - 2.8	0.75 - 1.0	3.59	1.00	4	1,00	4,5	1,00
			7. Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị (cơ sở)	2,0-4,0	0.75 - 1.0	3	0,88	4	1,00	5	1,00
			8. Công trình văn hoá cấp đô thị (công trình)	2,0-4,0	0.75 - 1.0	3	0,88	6.00	1,00	6.00	1,00
			9. Công trình thể dục thể thao cấp đô thị (công trình)	2,0-3,0	0.75 - 1.0	2	0,75	6.00	1,00	7.00	1,00
			10. Công trình TMDV cấp đô thị (công trình)	2,0-4,0	0.75 - 1.0	3	0,88	4	1,00	5	1,00
						<b>Tổng điểm</b>	8,14	<b>Tổng điểm</b>	10,00	<b>Tổng điểm</b>	10,00

Định hướng giải pháp	Nội dung công việc
Kêu gọi đầu tư và kinh doanh hệ thống các TTTM và đại lý nhượng quyền thương mại cấp vùng và tiểu vùng	1. Xây dựng các KDC mới, chỉnh trang đô thị, tăng tầng cao xây dựng trong khu vực hiện hữu, gia tăng tổng diện tích sàn xây dựng.
kêu gọi đầu tư và xây dựng các KĐT mới	2. Xoá nhà tạm tại khu vực nông thôn kết hợp với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chỉnh trang nhà ở khu vực nội thị kết hợp chỉnh trang, mở rộng các tuyến hẻm theo quy chế quản lý kiến trúc quy hoạch.
Kêu gọi đầu tư xây dựng hệ thống bệnh viện công lập, tư nhân	3. Tăng mật độ cư trú khu vực nội thị bằng cách tăng hệ số sử dụng đất khu vực nội thị hiện nay, tránh phát triển dàn trải và lãng phí quỹ đất.
Bổ sung các công trình chức năng hiện còn thiếu của thị xã	4. Bổ sung các chức năng công cộng còn thiếu, thay đổi và chuyển đổi chức năng của một số công trình hoạt động chưa hiệu quả, lồng ghép chức năng công cộng, sử dụng có thu phí với các công trình TMDV có tính xã hội hoá cao như rạp chiếu phim, các phòng tập thể dục thể thao trong nhà và các công trình TDTT ngoài trời.
	5. Phát triển các khu dân cư và các khu ĐTM đồng bộ, trong đó cực kỳ chú trọng đến hệ thống công trình công cộng cấp khu ở và cấp đơn vị ở bao gồm trường Mầm Non (hệ dân lập và công lập), Trường tiểu học, hoa viên và công viên nhóm nhà ở.
	6. Tăng số giường bệnh và mật độ bác sỹ/10000 dân bằng cách kêu gọi xã hội hoá công tác xây dựng bệnh viện khu vực.
	7. Xây dựng trường Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên Đô Lương tại xã Yên Sơn; Mở rộng, nâng cấp trường THPT Đô Lương tại xã Đà Sơn. Nâng số lượng cơ sở giáo dục đào tạo lên 4 cơ sở.
	8. Xây dựng trung tâm văn hóa huyện Đô Lương tại thị trấn Đô Lương; Tổ hợp văn hóa - du lịch tâm linh Bắc Đô Lương tại xã Đông Sơn.
	9. Xây dựng sân vận động và tổ hợp thể thao huyện Đô Lương quy mô toàn đô thị tại thị trấn Đô Lương
	10. Xây dựng Tổ hợp thương mại trung tâm Đô Lương, địa điểm tại xã Yên Sơn

d2) Về hạ tầng kỹ thuật

CÁC TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ			Tiêu chuẩn theo NQ 1210	Tiêu chuẩn yêu cầu	Hiện trạng 2020			Chương trình phát triển giai đoạn 2021-2025		Chương trình phát triển đến năm 2026 - 2030	
					Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV			Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV		Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV	
CÁC TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ			Đô thị loại IV		Thang điểm quy định	Hiện trạng đô thị Đô Lương	thang điểm hiện đạt theo đô thị loại IV	Định hướng	Số điểm	Định hướng	Số điểm đạt
				2025 đạt				đạt	2030 đạt		
5A	Nhóm tiêu chuẩn về Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị	hạ tầng kỹ thuật	1. Đầu mối giao thông (cấp)	Vùng, tỉnh	1.5 - 2.0	Vùng huyện	1,5	tỉnh	2	Vùng tỉnh	2
			2. Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng (%)	12,0-17,0	0.75 - 1.0	30,1	1	30,1	1	30,1	1
			3. Mật độ đường giao thông (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy $\geq 7,5m$ (km/km <sup>2</sup> ))	6,0-8,0	0.75 - 1.0	9,13	1	10	1	10	1
			4. Diện tích đất giao thông tính trên dân số (m <sup>2</sup> /người)	7,0-9,0	0.75 - 1.0	72,8	1	72,8	1	72,8	1
			5. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng (%)	3,0-5,0	0.75 - 1.0	5,0	1	10	1	15	1
			6. Cấp điện sinh hoạt (kwh/ng/năm)	350-500	0.75 - 1.0	760,34	1	800	1	750.00	1
			7. Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng (%)	90-95	0.75 - 1.0	90	0,75	95	1	100.00	1
			8. Tỷ lệ đường khu nhà ở ngõ xóm được chiếu sáng (%)	50-75	0.75 - 1.0	50	0,75	60	0,75	100.00	1

		9. Cấp nước sinh hoạt (lít/ng/ng.đ)	100-120	0.75 - 1.0	148,8	1	150	1	150	1
		10. Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh (%)	90-95	1.5 - 2.0	95	2	96	2	100.00	2
		11. Số thuê bao internet (số thuê bao/100 dân)	15-20	0.75 - 1.0	65	1	65	1	65	1
		12. Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số (%)	90-95	0.75 - 1.0	98	1	100.00	1	100.00	1
					<b>Tổng điểm</b>	13	<b>Tổng điểm</b>	13,75	<b>Tổng điểm</b>	14
<b>Định hướng giải pháp</b>		<b>Nội dung công việc</b>								
		1. Củng cố hệ thống giao thông đối ngoại, nâng cấp các tuyến quốc lộ và đường tỉnh hiện nay, nâng cấp mở rộng bến xe Đô Lương hiện trạng.								
Kêu gọi đầu tư xã hội hoá các công trình như bến xe mới, nhà máy, trạm cấp nước		2, 3, 4: Xây dựng các Khu dân cư, khu đô thị mới có hệ thống HTKT đồng bộ, hoàn thiện và mở rộng các tuyến giao thông có mặt đường $\geq 7,5m$ kết hợp chỉnh trang đô thị.								
hỗ trợ công tác giải phóng mặt bằng cho các chủ đầu tư trong việc xây dựng các công trình hạ tầng theo hình thức PPP.		5. Tăng số lượng đầu xe buýt, tăng cường tuyến xe bus liên huyện đi qua Đô Lương, phát triển đầu xe taxi. nâng cao chất lượng phục vụ của xe buýt, rút ngắn thời gian vận chuyển và giảm giá cước vận chuyển (có thể đề xuất hình thức trợ giá); phát triển bến xe mới và các bến bãi đậu xe trong đô thị, tăng số lượng người sử dụng phương tiện công cộng tiến đến giảm dần phương tiện cá nhân								
Thực hiện tốt quy chế quản lý kiến trúc quy hoạch trong công tác xây dựng và chỉnh trang đô thị bao gồm mở rộng các tuyến hẻm, huy động nguồn lực người dân trong vấn đề chiếu sáng các hẻm và đường ngõ xóm.		6, 7, 8. Xây dựng trạm 110/22kV mới tại xã Yên Sơn, Hoàn thiện lưới chiếu sáng đến cấp đường Phân Khu vực và nội bộ, xã hội hoá chiếu sáng các tuyến hẻm và ngõ xóm.								
		9, 10. Hoàn thiện hệ thống đầu nối cấp nước từ nhà máy nước Đô Lương tại Đông Sơn, nhà máy nước Hòa Sơn và các giải pháp chống thất thoát nước sạch.								
		11, 12. Phát triển thị trường viễn thông, đẩy mạnh hình thức giao dịch thương mại qua mạng và thương mại điện tử, tăng số lượng thuê bao trên địa bàn đô thị, xây dựng hệ thống viễn thông đồng bộ trong các khu đô thị mới từ mạng lưới đến trạm tín hiệu								



d3) Về vệ sinh môi trường đô thị

YẾU TỐ ĐÁNH GIÁ		Tiêu chuẩn theo NQ 1210	Tiêu chuẩn yêu cầu	Hiện trạng 2019			Chương trình phát triển đến năm 2025		Chương trình phát triển đến năm 2026 - 2030	
				Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV			Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV		Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV	
CÁC TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ		Đô thị loại IV		Thang điểm quy định	Hiện trạng đô thị Đô Lương	thang điểm hiện đạt theo đô thị loại IV	Định hướng	Số điểm	Định hướng	Số điểm
							2025 đạt	đạt	2030 đạt	đạt
Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị	Nhóm tiêu chuẩn về	1. Mật độ đường ống cống thoát nước chính (km/km <sup>2</sup> )	3.0 - 3.5	1.5 - 2.0	4,56	2	5	2	5,5	2
	vệ sinh môi trường	2. Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng (%)	Đang triển khai - có giải pháp	0.75 - 1.0	Không có điểm ngập úng	1	Không có điểm ngập úng	1	Không có điểm ngập úng	1
		3. Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy (%)	70 - 85	0.75 - 1.0	100	1	100	1	100	1
		4. Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật (%)	15-25	0.75 - 1.0	0	0	0	0	25	1
		5. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom (%)	70-80	0.75 - 1.0	90	1	90	1	90	1

	6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải (%)	65-70	0.75 - 1.0	100	1	100	1	100	1
	7. Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý tiêu huỷ, chôn lấp an toàn sau xử lý tiêu huỷ (%)	90-95	0.75 - 1.0	100	1	100	1	100	1
	8. Nhà tang lễ (cơ sở)	có dự án, 1 nhà	0.75 - 1.0	0	0	Có dự án	0,75	1	1
	9. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng (%)	5-10%	0.75 - 1.0	2,47	0	5	0,75	10	1
	10. Đất cây xanh toàn đô thị (m <sup>2</sup> /người)	5,0-7,0	1.5 - 2.0	4,5	0	5	1,5	7	2
	11. Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị (m <sup>2</sup> /người)	3,0-5,0	1.5 - 2.0	4	1,5	5	1	8	1
				<b>Tổng điểm</b>	<b>8,5</b>	<b>Tổng điểm</b>	<b>11</b>	<b>Tổng điểm</b>	<b>13</b>
<b>Định hướng giải pháp</b>		<b>Nội dung công việc</b>							
Tìm kiếm nguồn vốn xây dựng hệ thống thoát nước mặt, hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho đô thị Đô Lương bằng các nguồn vốn ODA, vốn ngân sách hoặc vốn khác.		1, 2. Hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa và giữ vững trên địa bàn đô thị không tồn tại điểm ngập úng cục bộ cho các khu vực ngập úng hiện nay, xây dựng hệ thống cống thoát nước mưa trong các khu Dân cư và KĐT mới tách riêng với hệ thống thoát nước thải, thay thế hệ thống mương có nắp đan thu nước trên các trục chính bằng hệ thống cống bê tông							
Xây dựng chủ trương, tìm kiếm nguồn vốn cho các giải pháp về xử lý chất thải rắn, chất thải y tế, môi trường...		3,5,6,7: Tiếp tục triển khai hạng mục lò đốt rác tại khu xử lý chất thải rắn Hồng Sơn nhằm nâng cấp tỷ lệ chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại. Hoàn thiện hạng mục xử lý chất thải rắn y tế tại bệnh viện đa khoa của huyện Đô Lương.							
Xây dựng các quỹ đất cho cây xanh chuyên đề, cây xanh cách luy, mặt nước		4. Kêu gọi nguồn lực nhằm đầu tư hệ thống thi gom, xử lý nước thải tập trung cho đô thị Đô Lương,							
Thực hiện tốt cơ chế phối hợp trong vấn đề thoát lũ liên vùng		8,9. Lập chủ trương đầu tư, nâng cấp nhà xác bệnh viện Đa Khoa thành Nhà tang lễ huyện Đô Lương. Tuyên truyền nhằm nâng cao tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng							
		10,11. Xây dựng các quỹ đất dành cho cây xanh chuyên đề, cây xanh cách ly, mặt nước. Hệ thống công viên, vườn hoa trong đô thị được tổ chức trên cơ sở nâng cấp các không gian xanh hiện có và phát triển mới đảm bảo các tiện ích công cộng theo phân cấp với bán kính phục vụ phù hợp. Phân đầu đảm bảo đến năm 2025 tỷ lệ đất cây xanh trên đầu người toàn đô thị đạt 5 m <sup>2</sup> / người.							

d4) Về kiến trúc cảnh quan đô thị

YẾU TỐ ĐÁNH GIÁ		Tiêu chuẩn theo NQ 1210	Tiêu chuẩn yêu cầu	Hiện trạng 2020			Chương trình phát triển giai đoạn 2021-2025		Chương trình phát triển đến năm 2026 - 2030	
				Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV			Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV		Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV	
CÁC TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ		Đô thị loại IV		Thang điểm quy định	Hiện trạng đô thị	thang điểm hiện đạt theo đô thị loại IV	Định hướng 2025 đạt	Số điểm đạt	Định hướng 2030 đạt	Số điểm đạt
Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị	Nhóm các tiêu chuẩn về	1. Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị (Quy chế)	Đã ban hành 2 năm thực hiện tốt - đã có	1.5 - 2.0	Chưa có quy chế	0,00	Có quy chế	1,5	Đã ban hành thực hiện tốt	2
	kiến trúc, cảnh quan đô thị	2. Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị tính trên tổng số trục phố chính (%)	30-40	1.5 - 2.0	0	0,00	30	1,5	50	2
		3. Số lượng dự án cải tạo chỉnh trang đô thị (dự án)	Có dự án	1.5 - 2.0	2	2,00	4	2	6	2
		4. Số lượng không gian công cộng của đô thị (khu)	2,0-4,0	1.5 - 2.0	1	0,00	2	1,5	4	2
		5. Công trình kiến trúc tiêu biểu (cấp)	cấp tỉnh - cấp quốc gia	1.5 - 2.0	có công trình cấp QG	2,00	cấp quốc gia	2	cấp quốc gia	2
					<b>Tổng điểm</b>	<b>4</b>	<b>Tổng điểm</b>	<b>8,5</b>	<b>Tổng điểm</b>	<b>10</b>

Định hướng giải pháp	Nội dung công việc
Thực hiện tốt quy chế quản lý kiến trúc quy hoạch. Công bố công khai, và hướng dẫn chi tiết nội dung thực hiện quy chế đến người dân, tiến tới công nhận các tuyến phố văn minh đô thị.	1. Công bố quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc, hướng dẫn chi tiết nội dung thực hiện đến người dân, phát hành sổ tay cẩm nang quản lý quy hoạch kiến trúc theo quy chế cho cán bộ thực hiện...
Cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu	2. Xây dựng và công nhận các tuyến phố văn minh theo đề án riêng, hiện nay Đô Lương chưa ban hành quyết định về các tuyến phố văn minh đô thị, dự kiến sau khi phê duyệt Quy hoạch chung đô thị, ban hành quyết định về các tuyến phố văn minh đô thị
Xây dựng các không gian công cộng đô thị	3. Tiến hành chỉnh trang các khu vực phát triển hiện hữu, kết hợp chỉnh trang và xây dựng mới theo hình thức quản lý xây dựng theo chỉ giới xây dựng trong quy hoạch, lập kế hoạch chỉnh trang trong giai đoạn 5 - 10 năm.
Bảo vệ, tôn tạo các di tích văn hoá và di tích lịch sử, gắn kết hoạt động tham quan làng nghề và di tích văn hoá, lịch sử	4. Xây dựng các công trình điểm nhấn và cung văn hoá thị xã, hình thành các không gian công cộng mới của đô thị. Xây dựng dự án công viên trung tâm tại xã Yên Sơn.
	5. Khoanh vùng, bảo vệ và tôn tạo các di tích văn hoá, lịch sử gắn với quy hoạch các khu vực phát triển nằm trong vùng lõi, vùng đệm và vùng chuyển tiếp của các di tích đó, đảm bảo phát triển hài hoà với mục đích tôn tạo và phát triển

**2. Nhóm giải pháp về phát triển khu vực ngoại thị**

YẾU TỐ ĐÁNH GIÁ		Tiêu chuẩn theo NQ 1210	Tiêu chuẩn yêu cầu	Hiện trạng 2020			Chương trình phát triển giai đoạn 2021-2025		Chương trình phát triển giai đoạn 2026 - 2030			
				Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV			Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV		Mức độ đạt so với quy định Đô thị loại IV			
CÁC TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ	Đô thị loại IV			Thang điểm quy định	Hiện trạng đô thị Đô Lương	Thang điểm hiện đạt theo đô thị loại IV	Định hướng	Số điểm	Định hướng	Số điểm		
							2025 đạt	đạt	2030 đạt	đạt		
5B	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực ngoại thị	Nhóm tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội	1. Trường học (%)	30-35	0.75 - 1.0	100	1	100	1	100	1	
			2. Cơ sở vật chất văn hóa (%)	25-30	0.75 - 1.0	100	1	100	1	100	1	
			3. Chợ nông thôn (%)	40-50	0.75 - 1.0	100	1	100	1	100	1	
			4. Nhà ở dân cư (%)	40-50	0.75 - 1.0	100	1	100	1	100	1	
		Nhóm tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật	1. Giao thông (%)	20-30	2.25 - 3.0	100	3	100	3	100	3	
			2. Điện (%)	65-75	0.75 - 1.0	100	1	100	1	100	1	
		Nhóm tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường	1. Môi trường (%)	20-30	1.5 - 2.0	100	2	100	2	100	2	
			1. Quỹ đất nông nghiệp, vùng cảnh quan sinh thái được phục hồi, bảo vệ (%)	50-60	1.5 - 2.0	100	2	100	2	100	2	
							<b>Tổng điểm</b>	<b>12</b>	<b>Tổng điểm</b>	<b>12</b>	<b>Tổng điểm</b>	<b>12</b>

<b>Định hướng giải pháp</b>	<b>Nội dung công việc</b>
Duy trì, củng cố hạ tầng nông thôn theo chuẩn mới của NTM	1. Nâng cấp và chuẩn hoá hệ thống trường học tại các xã bao gồm từ bậc mầm non đến THCS
	2. Xây dựng cơ sở vật chất văn hoá theo tiêu chuẩn, phù hợp với đề án xây dựng nông thôn mới
	3. Xoá nhà tạm, kiên cố hoá nhà ở nông thôn, tái định cư các khu vực xung yếu có khả năng bồi lũ lụt và thiên tai
	4. Xây dựng hệ thống giao thông nông thôn, hệ thống đường sản xuất và các khu sản xuất tập trung, các cánh đồng mẫu lớn
	5. Hoàn thiện hệ thống cấp nước sạch nông thôn
	6. Khoanh vùng, không cho chôn cất tại các nghĩa trang nhỏ lẻ, chôn cất tập trung theo các nghĩa trang theo quy hoạch

### 3. Nhóm các tiêu chuẩn và giải pháp phát triển huyện Đô Lương thành thị xã

<b>Định hướng giải pháp</b>	<b>Nội dung công việc</b>
Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, đẩy mạnh phát triển dân cư, TMDV.  16 xã dự kiến thành lập phường	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nâng cấp và chuẩn hoá hệ thống trường học tại các xã bao gồm từ bậc mầm non đến THCS</li> <li>2. Nâng cấp sân thể thao, xã hội hoá hoạt động thể thao</li> <li>3. Phát triển hình thức siêu thị mini, chợ</li> <li>4. Xây dựng điểm làng nghề, tăng diện tích công viên cây xanh tại khu vực các xã dự kiến thành lập phường</li> <li>5. Xây dựng và phát triển các KDC mới theo quy hoạch, tăng diện tích và mật độ giao thông.</li> <li>6. Bổ sung trạm 110/22kV, tăng tỷ lệ chiếu sáng đường</li> <li>7. Tăng tỷ lệ dùng nước sạch bằng cách kết nối mạng lưới cấp nước chung</li> <li>8. Cải tạo hệ thống cống thoát nước trên các trục chính, phát triển các KDC mới có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.</li> <li>9. Xây dựng mạng lưới thu gom nước thải kết hợp xử lý nước thải của đô thị và các xã dự kiến lên phường</li> <li>10. Tăng cường công tác thu gom xử lý rác thải.</li> </ol>

**Phụ lục 03**  
**KHẮC PHỤC CÁC TIÊU CHÍ CHƯA ĐẠT**

TT	Tên tiêu chí chưa đạt	Giải pháp khắc phục	Kinh phí (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Lộ trình thực hiện
1	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	Kinh phí đầu tư công nghệ để xử lý nước thải là rất lớn, trong thời gian ngắn không thể thực hiện được; giải pháp của huyện là trong thời gian trước năm 2025 đưa cụm công nghiệp Thị trấn ra khỏi trung tâm đô thị; nước thải dân cư, xưởng sản xuất nhỏ được xử lý trước khi chảy ra kênh tiêu; UBND huyện đang triển khai dự án Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu thoát nước cho các xã Đông Sơn, Tràng Sơn, Lưu Sơn, Đà Sơn, Yên Sơn, Lạc Sơn và thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, tổng mức đầu tư 74 tỷ đồng đã được HĐND tỉnh thông qua cho chủ trương tại Nghị quyết số 36/ND-HĐND ngày 13/8/2021; ngoài ra UBND huyện Đô Lương cũng đang triển khai các dự án kênh tiêu khác.			Năm 2022
2	Nhà tang lễ	Nâng cấp nhà xác tại Bệnh viện đa khoa huyện đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo quy định.	2,0	Ngân sách huyện	Năm 2022
3	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	Do tập tục địa phương chưa sử dụng nhiều hình thức hỏa táng; người dân có nhu cầu hiện đang sử dụng cơ sở hỏa táng tại tỉnh Hà Tĩnh; sẽ sử dụng hình thức hỏa táng tại huyện Hưng Nguyên khi xây dựng xong Đài hòa thân (dự kiến trong năm 2021 hoàn thành xong 2 lò hỏa táng)			
4	Đất cây xanh đô thị	Quy hoạch chung đô thị Đô Lương quy hoạch thêm đất cây xanh, thêm diện tích đất cây xanh tại dải phân cách các tuyến đường như tuyến 60m, 45m để đảm bảo diện tích cây xanh đô thị			Năm 2022
5	Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị	Thực hiện xây dựng quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị sau khi Quy hoạch chung đô thị Đô Lương được phê duyệt	1,5	Ngân sách huyện	Năm 2022
6	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị trên tổng số trục chính	Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng bằng năng lượng mặt trời, trồng thêm cây xanh các tuyến đường để đạt chuẩn tuyến phố văn minh	3,0	Ngân sách huyện	Năm 2022

**Phụ lục 04**

**DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT Ở, UBND HUYỆN ĐÔ LƯƠNG ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ VÀ DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẤP THIẾT CẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

<b>Tên khu quy hoạch đất ở/ dự án bất động sản</b>	<b>Xây dựng các dự án</b>
<p>- Các khu đất quy hoạch đất ở với tổng diện tích đất ở khoảng <b>17,7 ha</b> (các khu E, C, S, được UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Trung tâm mới đô thị Đô Lương, huyện Đô Lương tại Quyết định số 4388/QĐ-UBND ngày 04/12/2020), gồm:</p> <p>+ Khu C (X=2090026.24, Y=559188.73; X=2089891.67, Y=559484.16; X=2089635.74, Y=559367.58; X=2089770.31, Y=559072.15) Khu trung tâm mới đô thị Đô Lương, huyện Đô Lương, diện tích đất ở khoảng <b>3,0ha</b>.</p> <p>+ Khu E (X=2090353.16, Y=559337.63; X=2090218.58, Y=559633.07; X=2089946.27, Y=559509.03; X=2090080.84, Y=559213.60) Khu trung tâm mới đô thị Đô Lương, huyện Đô Lương (phía Tây trụ sở liên cơ quan huyện Đô Lương), diện tích đất ở khoảng <b>3,3ha</b>;</p> <p>+ Khu P (X=2089378.82, Y=560325.68; X=2089235.38, Y=560640.55; X=2088833.96, Y=560457.69; X=2089011.85, Y=560158.52) Khu trung tâm mới đô thị Đô Lương, huyện Đô Lương, diện tích đất ở khoảng <b>6,5ha</b></p> <p>+ Khu S (X=2090403.66, Y=560768.79; X=2090365.77, Y=560968.66; X=2089973.59, Y=560935.88; X=2090000.91, Y=560609.06) Khu trung tâm mới đô thị Đô Lương, huyện Đô Lương, diện tích đất ở khoảng <b>4,9ha</b>.</p> <p>- Khu đô thị Nam thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 và phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 4605/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 (Khu đô thị này cũng nằm trong Khu trung tâm mới đô thị Đô Lương, huyện Đô Lương), diện tích đất ở là <b>5,18ha</b></p>	<p>- Xây dựng cầu và đường trục chính đô thị nối từ QL.46B (Km58+400) thị trấn Đô Lương, Lưu Sơn đến QL.7 (Km39+500) xã Nam Sơn, huyện Đô Lương;</p> <p>- Xây dựng các tuyến đường trục chính trong Khu quy hoạch chung đô thị Đô Lương, huyện Đô Lương;</p> <p>- Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, trọng điểm trên địa bàn huyện Đô Lương.</p>
<p>- Khu chia lô đất ở dân cư tại vùng Đồng Lũng, khối 8, thị trấn Đô Lương, tại Quyết định số 3890/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc khảo sát lựa chọn địa điểm để lập quy hoạch xây dựng chia lô đất ở dân cư (đề đấu giá), diện tích đất ở là: <b>2,55 ha</b></p>	
<p><b>Tổng diện tích đất ở: 25,43ha</b></p>	